

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TÊN BÀI DẠY:
BÀI 2 – VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA
Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 10
Thời gian thực hiện: 11tiết

A. TỔNG QUAN

MỤC TIÊU BÀI HỌC	
1. Về kiến thức	❖ Học sinh phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình). ❖ Học sinh nhận biết được một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thơ thuộc hai nền văn hóa khác nhau. ❖ Học sinh nhận biết và sửa được lỗi dùng từ và lỗi về trật tự từ, biết cách sửa những lỗi đó.
2.1 Về năng lực chung	Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....
2.2 Về năng lực đặc thù	❖ Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của một tác phẩm thơ. ❖ Học sinh thuyết trình về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
3. Về phẩm chất	Học sinh yêu mến, trân trọng những vẻ đẹp của thơ ca và cuộc sống, biết nuôi dưỡng tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước cái đẹp.
NỘI DUNG BÀI HỌC	
Đọc	• Tri thức ngữ văn • Chùm thơ Hai – cư Nhật Bản • Thu hứng (Cảm xúc mùa thu – Đỗ Phủ) • Mùa xuân chín (Hàn Mặc Tử) • Bản hòa âm ngôn từ trong Tiếng thu của Lưu Trọng Lư (Chu Văn Sơn)
Thực hành Tiếng Việt	• Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa
Viết	• Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ
Nói và nghe	• Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ
Củng cố mở rộng	• Văn bản Cánh đồng (Ngân hoa)

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh nhận biết** được một số yếu tố: Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.
- ❖ **Học sinh phân tích** được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ.
- ❖ **Học sinh đánh giá** được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh thuyết trình** (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật cơ bản của tác phẩm thơ.
- ❖ **Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....**

3. Về phẩm chất: Học sinh xác định vẻ đẹp của cuộc sống thông qua tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM		
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chuẩn bị câu hỏi khởi động: Em hãy đọc lại một bài thơ mà em đã được học từ chương trình THCS đến THPT. ❖ Học sinh hoàn thành bảng K – W – L để tìm hiểu kiến thức về thơ và thơ trữ tình				
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Học sinh suy nghĩ và dự trù câu trả lời Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thiện phiếu K – W – L Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết và mong muốn về bài học Bước 4. Kết luận, nhận định	Phân chuẩn bị bài trình chiếu và phiếu của giáo viên.			
	K Điều con đã biết	W Điều con muốn biết	L Điều con mong muốn biết thêm	
Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Thơ ca là sáng tạo đặc biệt của con người. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca đã có mặt cùng với sự phát triển của nhân loại suốt bao thời kì lịch sử và người ta cũng bắt đầu chú ý đến những vai trò, tác dụng kì diệu của nó đối với cuộc sống, đối với tâm hồn con người.				
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nhận biết được một số yếu tố: Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ. ❖ Học sinh phân tích được các yếu tố Thơ trữ tình, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, vần thơ, nhịp điệu, đối, thi luật, thể thơ. ❖ Học sinh đánh giá được chủ đề, nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm thơ. b. Nội dung thực hiện:				

❖ Học sinh đọc phần “Tri thức ngữ văn” trong SGK và kết hợp đọc tài liệu bổ trợ giáo viên đưa ❖ Học sinh thảo luận nhóm và thực hiện phiếu học tập để tìm hiểu về thơ và thơ trữ tình.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên cho HS lựa chọn nhiệm vụ phù hợp với năng lực và sở thích. Chia nhóm và thảo luận Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm thơ và các đặc trưng của thơ Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu khái niệm về thơ trữ tình các yếu tố của thơ trữ tình Nhiệm vụ 3. Lựa chọn một bài thơ trữ tình và chỉ ra các yếu tố có trong bài thơ. Nhiệm vụ 4. Dựa vào các đặc trưng của thơ trữ tình, sáng tác một bài thơ/đoạn thơ ngắn và nêu ý nghĩa Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về thần thoại và sử thi	Phiếu học tập – Phụ lục 1,2,3 Phân chia sẻ của Học sinh I. Thơ 1. Khái niệm Thơ là hình thức tổ chức ngôn từ đặc biệt, tuân theo một mô hình thi luật hoặc nhịp điệu nhất định. Mô hình này làm nổi bật mối quan hệ giữa âm điệu và ý nghĩa của ngôn từ thơ ca. Với hình thức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả được những tình cảm mãnh liệt hoặc những ấn tượng, xúc động tinh tế của con người trước thế giới (Sách Kết nối tri thức với cuộc sống, tr43) Ví dụ Thân em vừa trắng lại vừa tròn, Bảy nổi ba chìm với nước non. Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn Mà em vẫn giữ tấm lòng son (Hồ Xuân Hương) Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng. Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông, Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng. Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới, Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi. (Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận) Quê hương anh nước mặn, đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau. Súng bên súng, đầu sát bên đầu Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ Đồng chí! (Đồng chí – Chính Hữu) 2. Đặc trưng a. Đặc trưng về nội dung - Thơ là sự thổ lộ tình cảm mãnh liệt đã được ý thức + Thơ không phải là sự bộc lộ tình cảm một cách bản năng và trực tiếp. Tình cảm trong thơ là tình cảm được ý thức, được siêu thăng, tình cảm được

	lãng lọc qua cảm xúc thâm mĩ, gắn liền với sự tự ý thức về mình và đời + Tình cảm trong thơ phải là tình cảm lớn, tình cảm đẹp, cao thượng, thâm nhuần bản chất nhân văn, chính nghĩa. Tình cảm tầm thường không làm nên thơ. Tình cảm trong thơ phải là tình cảm là tình cảm của nhân dân, nhân loại mới có sức vang động tâm hồn con người. - Thơ – nghệ thuật của trí tưởng tượng + Nếu tình cảm là sinh mệnh của thơ thì tưởng tượng là đôi cánh của thơ + Thơ không xây dựng bằng cách hình tượng khách thể như nhân vật trong truyện hay kịch, kí, mà xây dựng hình tượng của bản thân dòng ý thức, cảm xúc đang diễn ra, vì thế tưởng tượng ở đây chủ yếu là liên tưởng, giả tưởng, huyền tưởng + Lối tưởng tượng này làm cho tư duy thơ khác hẳn tư duy trong các thể loại văn học khác. - Tính cá thể hóa của tình cảm trong thơ + Qua từng trang thơ, từng dòng thơ người đọc cảm thấy được, thậm chí tiếp xúc trực tiếp được với một cá tính, một cuộc đời, một tâm hồn. Nhưng đó là cái tôi thứ hai của tác giả, không phải cái tôi đời thường của thi sĩ + Đối với các nhà thơ lãng mạn thì cái tôi là một nguyên tắc cơ bản của thơ - Chất thơ của thơ + Thơ không nói những điều nó viết ra, à nói ở những chỗ trống không viết ra, ở chỗ trắng, chỗ im lặng giữa các chữ, các lời + Cái ý nghĩa có tính thơ là ý nghĩa ngoài lời, ngoài hình ảnh, do chính lời và do chính hình ảnh gợi lên. b. Đặc trưng về hình thức - Thơ biểu hiện bằng biểu tượng, ý tượng Mỗi loại thơ có những biểu tượng riêng. Các biểu tượng trong thơ nảy sinh nhờ sức liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo mạnh mẽ của nhà thơ. Đến lượt mình, các biểu tượng thể hiện sức tưởng tượng, liên tưởng trong tác phẩm - Ngôn từ thơ được cấu tạo đặc biệt + Thứ nhất, ngôn từ thơ có nhịp điệu. + Thứ hai, ngôn từ thơ không có tính liên tục và tính phân tích như ngôn từ văn xuôi, ngược lại nó có tính nhảy vọt, gián đoạn, tạo thành những khoảng lặng giàu ý nghĩa + Thứ ba, ngôn từ thơ giàu nhạc tính với những âm thanh luyện láy, những từ trùng điệp, sự phối hợp bằng trắc và cách ngắt nhịp có giá trị gợi cảm
--	--

	3. Phân loại thơ - Thơ trữ tình - thơ tự sự - thơ kịch - Thơ luật – Thơ tự do – Thơ văn xuôi + Một số thể thơ luật cơ bản: Thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, lục bát II. Thơ trữ tình 1. Khái niệm Thơ trữ tình là loại tác phẩm thơ thường có dung lượng nhỏ, thể hiện trực tiếp cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình (<i>Sách giáo khoa Ngữ văn 10, Kết nối tri thức với cuộc sống, tr43</i>) 2. Các yếu tố của thơ trữ tình a. Nhân vật trữ tình - Nhân vật trữ tình (còn gọi là chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó. Nhân vật trữ tình có mối quan hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. b. Hình ảnh thơ - Hình ảnh thơ là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tác tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác đặc biệt là những ấn tượng thị giác cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc. c. Vận thơ - Là sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ. Vận có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ. d. Nhịp điệu - Là những điểm ngắt hay ngừng theo chu kì nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí. Nhịp điệu chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới. e. Nhạc điệu - Là cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, điệp, phối hợp thanh điệu bằng – trắc. f. Đối - Là cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và lời, có thể chia đối thành hai loại: đối cân (thuận chiều), đối chọi (ngược chiều).
--	--

	g. Thi luật - Là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài thơ,... h. Thể thơ - Là sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các thể thơ được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào các bài thơ đã học hãy đọc một bài thơ và nêu được các yếu tố: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần trong bài thơ đó b. Nội dung thực hiện HS đọc tác phẩm thơ và liệt kê được các yếu tố đã được học.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện đọc và ghi lại các yếu tố của tác phẩm thơ như: thể thơ, nhân vật trữ tình, hình ảnh thơ, cách tổ chức nhịp điệu, gieo vần Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV và HS có thể tham khảo ví dụ sau <i>“Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững Lung đeo gươm tay mềm mại bút hoa Trong và sáng đôi bờ suy tưởng Sống hiên ngang mà nhân ái, chan hòa.”</i> (Huy Cận) - Nhân vật trữ tình: Nhân dân Việt Nam với niềm tự hào về truyền thống yêu nước, đấu tranh của dân tộc - Vần thơ: Hiệp vần chân “hoa” câu 2 và “hòa” câu 4 - Nhịp điệu: Cách ngắt nhịp uyển chuyển <i>“Sống vững chãi/ bốn ngàn năm/ sừng sững Lung đeo gươm/ tay mềm mại bút hoa Trong và thật sáng/ đôi bờ suy tưởng Sống hiên ngang/ mà nhân ái, chan hòa.”</i> - Đối: Lung đeo gươm – chiến đấu; tay mềm mại bút hoa – văn hóa; Sống hiên ngang – mạnh mẽ cứng rắn; nhân ái, chan hòa – tình tế, dịu dàng, trọng tình nghĩa - Thi luật: Mỗi câu có 8 chữ bắt vần chân ở câu 2 và 4 - Thể thơ: Thơ tự do 8 chữ
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào kiến thức đã học HS tự sáng tác một bài thơ theo thể thơ tự do. b. Nội dung thực hiện: HS sáng tác một bài thơ chủ đề tự chọn theo thể thơ tự do.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện sáng tác và đọc trước lớp Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình	HS sáng tạo theo nội dung tự chọn

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu về thơ và thơ trữ tình

Họ và tên _____

Lớp _____

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ THƠ VÀ THƠ TRỮ TÌNH

Dựa và phân đọc Tri thức ngữ văn trong SGK em hãy hoàn thành Phiếu tìm hiểu Thơ và Thơ trữ tình sau

1 Thơ là gì? Nêu khái niệm

Thơ trữ tình là gì?

2

Chỉ ra điểm giống nhau giữa thơ và thơ trữ tình (ngôn từ, nội dung phản ánh)



Tên _____

Lớp _____

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ THƠ VÀ THƠ TRỮ TÌNH

Chọn các từ trong khung phù hợp với nội dung của từng khái niệm sau:

Hình ảnh thơ

Nhân vật trữ tình

Nhịp điệu

Vần thơ

Nhạc điệu

a.là người trực tiếp bộc lộ rung động và tình cảm trong bài thơ trước một khung cảnh hoặc sự tình nào đó.có mối liên hệ mật thiết với tác giả song không hoàn toàn đồng nhất với tác giả.

b.là các sự vật, hiện tượng, trạng thái đời sống được tái tạo một cách cụ thể, sống động bằng ngôn từ, khơi dậy cảm giác (đặc biệt là những ấn tượng thị giác) cũng như gợi ra những ý nghĩa tinh thần nhất định đối với người đọc.

c.sự cộng hưởng, hòa âm theo quy luật giữa một số âm tiết trong hay cuối dòng thơ.có chức năng liên kết các dòng thơ và góp phần tạo nên nhịp điệu, nhạc điệu cũng như giọng điệu của bài thơ.

d.những điểm ngắt hay ngừng theo chu kỳ nhất định trên văn bản do tác giả chủ động bố trí.chứa đựng sự lặp lại có biến đổi của các yếu tố ngôn ngữ và hình ảnh nhằm gợi ra cảm giác về sự vận động của sự sống và thể hiện cảm nhận thẩm mỹ về thế giới.

e.cách tổ chức các yếu tố âm thanh của ngôn từ để lời văn gợi ra cảm giác về âm nhạc (âm hưởng, nhịp điệu). Trong thơ, những phương thức cơ bản để tạo nhạc điệu là gieo vần, điệp, phối hợp thanh điệu bằng - trắc....

Tên _____

Lớp _____

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU VỀ THƠ VÀ THƠ TRỮ TÌNH

Chọn các từ trong khung phù hợp với nội dung của từng khái niệm sau:

Thi luật

Thể thơ

Đối

f.cách tổ chức lời văn thành hai vế cân xứng và sóng đôi với nhau cả về ý và lời. Căn cứ vào sự thuận chiều hay tương phản về ý và trờì, có thể chiathành hai loại: đối cân (thuận chiều_, đối chọi (tương phản)

g.là toàn bộ những quy tắc tổ chức ngôn từ trong thơ như gieo vần, ngắt nhịp, hòa thanh, đối, phân bố số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong cả bài thơ.....

h.sự thống nhất giữa mô hình thi luật và loại hình nội dung của tác phẩm thơ. Các được hình thành và duy trì sự ổn định của chúng trong quá trình phát triển của lịch sử văn học.



Phụ lục 2. Rubric đánh giá hoạt động nhóm tìm hiểu về thơ và thơ trữ tình

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

TUẦN 4: TIẾT 12:

ĐỌC VĂN BẢN :1,2,3

CHÙM THƠ HAI – CƯ NHẬT BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh trình bày** được những nét chính về tác giả và thể thơ Hai - cư
- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về thơ, học sinh xác định được thể thơ, nhân vật trữ tình, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ
- ❖ **Học sinh vận dụng** tri thức về thơ, học sinh sẽ:
 - + **Nhận diện** hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ hai – cư và chỉ ra đặc điểm chung của các hình ảnh đấy
 - + **Xác định** mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba – sô với các yếu tố thời gian và không gian
 - + **Phân tích** được nội dung và nghệ thuật đặc sắc bài thơ của Chi – ô
 - + **Nhận xét** tương quan giữa hai hình ảnh “con ốc” và “núi Fu – jì”
 - + **Đánh giá** được nội dung ý nghĩa và tính triết lí trong bài thơ của Ba – sô, Chi - ô và Ít – sa

2. Về năng lực:

- ❖ **Học sinh vận dụng năng lực** viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

3. Về phẩm chất: Học sinh **trân trọng** những điều nhỏ bé, giản dị trong đời sống xung quanh. Nỗ lực, phấn đấu hết mình vì ước mơ của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV cho HS chơi trò chơi đoán ô chữ tìm hiểu về văn hóa của đất nước Nhật Bản. ❖ HS theo dõi và nêu cảm nhận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên thực hiện trình chiếu câu hỏi. Học sinh suy nghĩ và sự đoán đáp án của ô chữ. Sau trò chơi, GV đặt câu hỏi: Con có cảm nhận như thế nào về nền văn hóa của đất nước Nhật Bản? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	Câu hỏi ô chữ và đáp án: Câu 1: Đây là một nghệ thuật thưởng thức trà cũng như là một nét đặc trưng trong văn hóa Nhật Bản. Đáp án: Trà đạo Câu 2: Trang phục truyền thống của người Nhật là gì? Đáp án: Kimono Câu 3: Đây là loại rượu đặc trưng có từ ngàn xưa của xứ sở Phù Tang. Đáp án: Rượu Sake Câu 4: Đây là dinh thự của gia đình hoàng gia Nhật gồm nhiều tòa nhà hành chính, cơ quan lưu trữ nhà nước, viện bảo tàng và các khu vườn xinh xắn. Đáp án: Cung điện hoàng gia Câu 5: Đây là tên của ngọn núi rất nổi tiếng ở Nhật Bản Đáp án: Phú Sĩ
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh trình bày được những nét chính về tác giả và thể thơ Hai - cư ❖ Học sinh vận dụng tri thức về thơ, học sinh xác định được thể thơ, nhân vật trữ tình, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ ❖ Học sinh vận dụng tri thức về thơ, học sinh sẽ: + Nhận diện hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ hai – cư và chỉ ra đặc điểm chung của các hình ảnh đây + Xác định mối quan hệ giữa hình ảnh trung tâm trong bài thơ của Ba – xô với các yếu tố thời gian và không gian + Phân tích được nội dung và nghệ thuật đặc sắc bài thơ của Chi – ô + Nhận xét tương quan giữa hai hình ảnh “con ốc” và “núi Fu – ji” + Đánh giá được nội dung ý nghĩa và tính triết lí trong bài thơ của Ba – xô, Chi – ô và Ít – sa b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu về thơ Hai – cư và nội dung đặc sắc trong chùm thơ Hai – cư Nhật Bản. ❖ Học sinh thuyết trình – GV chốt ý và đánh giá sản phẩm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm Mỗi nhóm lựa chọn hình thức trình bày sản phẩm	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Thơ Hai – cư Nhật Bản * Thể thơ:

+ Nhóm hoa anh đào: Tìm hiểu thông tin về thể thơ Hai – cư và các tác giả: Mát – chư – ô Ba xô, Chi – ô, Cô – ba – y – a – si Ít – sa. + Nhóm hoa triêu nhan: Chỉ ra hình ảnh trung tâm ở từng bài thơ Hai – cư và cho biết đặc điểm chung của các hình ảnh ấy. + Nhóm con ốc nhỏ: Chỉ ra ý nghĩa của những hình ảnh trung tâm trong các bài thơ + Nhóm suy ngẫm: Rút ra ý nghĩa trong mỗi bài thơ Hai cư vừa tìm hiểu Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút – Hoặc các nhóm đã chuẩn bị trước bài qua phần tự học. Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản về nội dung – nghệ thuật các truyện thần thoại.	- Hai cư là một thể thơ truyền thống độc đáo của Nhật Bản (thi quốc), được hình thành từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ XVII có những thành tựu nổi bật. - Hình thức: thơ Hai cư thuộc loại ngắn nhất thể giới (cả bài chỉ 17 âm tiết, ngắt thành 3 đoạn 5-7-5). Nguyên bản tiếng Nhật chỉ có một câu thơ. + Dòng 1: Giới thiệu. + Dòng 2: Tiếp tục ý trên và chuẩn bị cho dòng 3. + Dòng 3: Ý thơ kết lại nhưng không rõ ràng, mở ra những suy ngẫm, cảm xúc cho người đọc ngân nga, lan tỏa. * Nội dung: - Phản ánh tâm hồn người Nhật - tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, vì vậy nội dung thường hướng đến một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư... của người viết. - Tứ thơ: khơi gợi xúc cảm, suy tư trong một khoảnh khắc hiện tại (quy tắc sử dụng "quý ngữ") 2. Tác giả a. Mát – chư – ô Ba – xô - Ông sinh năm 1644 mất năm 1694 là nhà thơ nổi tiếng của văn học Nhật. - Ông có công lớn trong việc hoàn thiện thơ hai – cư đưa nó trở thành thể thơ độc đáo nhất của Nhật Bản. b. Chi – ô - Chi - ô (1703 – 17750 - Là người đánh dấu sự hiện diện của tác giả nữ trong truyền thống thơ Hai – cư - Trước bà, thơ Hai – cư của tác giả nữ thường bị coi thường và quên lãng. - Bà đã trở thành một tiếng nói thơ ca độc đáo, được nhiều người yêu thích. c. Cô – ba – y – a – si Ít – sa - Cô – ba – y – a – si Ít – sa (1763 – 1828) - Là nhà thơ kiêm tu sĩ Phật giáo. - Ông còn là họa sĩ tài ba, nổi tiếng với những bức tranh có đề các bài thơ Hai cư do chính ông sáng tác. II. TÌM HIỂU CHI TIẾT 1. Bài 1 Trên cành khô cánh quạ đậu chiều thu. 1.1. Hình ảnh trung tâm và mối liên hệ với thời gian không gian. - Hình ảnh trung tâm: Con quạ
--	---

	- Không gian: một buổi chiều mùa thu âm đạm => Hình ảnh cánh quả đậu trên cành khô trong bài thơ thứ nhất gợi lên một không gian chiều thu vắng lặng, đơn sơ, nhẹ nhàng. => <i>Sự tương phản của thân hình đen muội nhỏ xíu của con quạ với bóng tối bao la vô định của buổi chiều hôm</i> 1.2. Màu sắc, sự đối lập tương phản trong bức tranh chiều thu - Cành khô màu nâu xám, chim quạ chắc chắn là màu đen (hoặc xám). => <i>Đây là những gam màu chủ đạo của hội họa thủy mặc, một loại hình nghệ thuật mà chân chính là màu nước đen và giấy trắng.</i> - Trên cành khô quả đậu và chiều thu là hai phần hoàn toàn độc lập, tương phản với nhau. Một bên nhỏ hẹp, hiện hữu, một bên rộng lớn, mơ hồ. - Mọi vật thể đối lập ấy đã tạo thành một chỉnh thể, một bức tranh hoàn chỉnh: trên cái nền hoang vắng mơ hồ của buổi chiều thu, nổi bật lên hình hài màu đen của một chú quạ đậu trên cành khô. TIỂU KẾT: Hình ảnh trong bài thơ có lẽ phần nào thể hiện tâm cảm thi nhân mặc dù nó như chỉ được chớp lấy trong một ánh nhìn, một không gian, thời gian nhất định. Bài thơ mang nỗi buồn của buổi chiều tà, của lúc tàn thu, sự ngưng đọng, lặng im của cảnh vật... Giống như mọi bài thơ Hai-cư khác, cái tôi thi nhân không bao giờ xuất hiện trong thi phẩm nhưng từ những gì nhà thơ gửi gắm sẽ khơi sự cho trí tưởng tượng vô biên của độc giả. Trong bài thơ này, yếu tố mùa cũng thể hiện rất rõ ở từng câu chữ chứ không đợi đến quy ngữ cuối bài. Đây là bài thơ về mùa thu và thời điểm chính xác có lẽ là cuối thu, khi chim quạ đã xuất hiện, khi lá cây đã rụng hết chỉ còn lại cành khô. Bài 2: A hoa triêu nhan Dây gàu vương hoa bên giếng Đành xin nước nhà bên. 2.1 Hình ảnh trung tâm và phát hiện của nhà thơ - Hình ảnh “hoa triêu nhan” và “dây gàu” gợi lên trong tâm trí người đọc hình ảnh những bông hoa triêu nhan tím quăn vào sợi dây gàu bên giếng. - Hoa triêu nhan vốn là một loại dây leo, đã quăn vào dây gàu để nở. - Nhà thơ nhìn thấy sự sống, nhìn thấy cái đẹp, nhìn thấy Phật tánh trong đóa triêu nhan nhỏ nhoi nhưng bền bỉ.
--	--

	2.2 Thông điệp của tác giả qua hình ảnh hoa triêu nhan và hành động “xin nước nhà bên” - Trước cái đẹp, trước sự sống, nhà thơ nâng niu, trân trọng, không nỡ làm tổn thương nên bà chọn giải pháp “xin nước nhà bên”, để sự sống và cái đẹp được hiện hữu. - Đây chính là tinh thần ý tại ngôn ngoại, lại cũng chính là sự vô ngôn của Thiên và là tính nhân văn của Phật giáo. - Cần phải có một nội tâm tĩnh lặng, một tính cách dịu dàng và hơn cả là một tình thương lớn, một tấm lòng trắc ẩn lớn mới có cách hành xử như vậy. Một đóa triêu nhan mỏng manh làm tỏa sáng một tình thương mệnh mông và cảm động. Bài 3: Chậm rì, chậm rì Kìa con ốc nhỏ Trèo núi Fu-jii 3.1 Hình tượng trung tâm và sự tương quan giữa hai hình ảnh. - “Con ốc” gợi lên hình ảnh một con vật nhỏ bé, chậm chạp, sống thụ động. - “Núi Fu-ji” là một ngọn núi nổi tiếng ở Nhật Bản, nó gợi lên sự hùng vĩ, tráng lệ của tự nhiên. - Câu thơ thứ hai "Kìa con ốc nhỏ" thể hiện sự xuất hiện nhỏ bé, bình dị của chú ốc nhỏ. Trạng thái chậm rì được đảo lên câu thơ đầu để nhấn mạnh trạng thái, đặc điểm của chú ốc bình dị nhỏ bé ấy. - Câu thơ thứ ba "Trèo núi Fuji" chỉ có ba chữ tái hiện hình ảnh ngọn núi Phú Sĩ- biểu tượng Nhật Bản. Hình ảnh chú ốc sên nhỏ trèo chậm chậm lên núi Phú Sĩ - ngọn núi cao bậc nhất Nhật Bản. 3.2 Thông điệp và tính triết lý được gợi ra trong ba câu thơ. - Bài thơ ngắn gọn súc tích, với hình thức độc đáo đã truyền tải thông điệp mang đầy tính nhân văn đến người đọc. Trên thực tế cuộc sống, mỗi người đều là chú ốc nhỏ bé bình dị nhưng đều ấp ủ một giấc mơ cháy bỏng của riêng cuộc đời mình. Sức mạnh nội tại của chính bản thân chúng ta là nguồn sức mạnh động lực để thúc đẩy đưa chúng ta lên đến đỉnh cao của cuộc đời mình. Nếu như chú ốc sên khát khao chinh phục núi Phú Sĩ thì mỗi người đều có một đỉnh cao của cuộc đời mình mà muốn chinh phục. - Điều mà chúng ta cần làm đó chính là luôn luôn cố gắng không ngừng nghỉ trên hành trình, nỗ lực hết sức mình trên hành trình chinh phục lý tưởng
--	---

	sống của mình. Ta có thể đi chậm hơn so với người khác nhưng điều quan trọng đó chính là ta không ngừng lại mà luôn nỗ lực, kiên trì đến cùng với ước mơ của mình. Đó chính là điều làm nên ý nghĩa của cuộc sống của chúng ta. III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Cả 3 bài thơ ngắn gọn, sử dụng hình ảnh ẩn dụ của con vật, cây cối để truyền tải thông điệp sâu sắc, triết lý, đầy nhân văn. 2. Nội dung Mỗi bài thơ đều mang đến cho người đọc giá trị nhân văn sâu sắc, ý nghĩa về cuộc sống.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu về ba bài thơ Hai cư để thực hành viết kết nối với đọc. b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV với nội dung: Hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày về điều em thấy thú vị nhất ở thể thơ Hai cư.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài làm mẫu Hai-kur, loài hoa đậm hương sắc nhất của vườn hoa thơ ca Xứ sở Phù Tang – từ giữa thế kỉ XX đã vượt ra biên giới đất nước và trở thành tài sản chung của nhân loại: hai-kur thế giới (world haiku). Sáng tác hai-kur trở thành phong trào rộng khắp từ Đông sang Tây, từ những cây bút nghiệp dư đến với thơ vì lòng yêu cho đến những nhà thơ lớn như Paul Eluard, J. L. Borges... và điều thú vị nhất ở thể thơ này chính là ở đề tài phản ánh. Đề tài thơ hai-kur ưa chuộng những sự vật nhỏ bé, đa dạng với những rung cảm chân thành, giản dị, hồn nhiên mang sắc thái rất Nhật Bản. Đề tài thơ haiku là thế giới tự nó trong khoảnh khắc mang tính gợi cảm. Hai-kur rất giống loại tranh thủy mặc mà người Nhật ưa chuộng. Nó là một nét vẽ bất chợt hướng về thiên nhiên bốn mùa, phản ánh vẻ đẹp và cảm xúc nội tâm của con người, thường được gọi chung là quý đề (kidai). Hai-kur là loại thơ có vẻ không trọng lời bên ngoài mà hướng vào cái bản chất bên trong. Ngôn ngữ dường như tự nhiên, không dụng công theo tinh thần “trực chỉ nhân tâm”. Ngôn ngữ hai-kur là loại tín hiệu ngôn ngữ phổ biến trong đời sống xung quanh được lọc qua những tâm hồn tinh khiết nên mang tính tín hiệu hần sâu có sẵn trong tâm thức. Thơ hai-kur ít dùng tính từ, trạng từ với sự can thiệp của cái tôi chủ quan nhằm cụ thể hoá cảnh vật, mà nó chỉ dùng những từ mang tính chấm phá mà khái quát,

	giản dị mà hàm súc nhờ mối quan hệ giữa các từ như một dòng trôi chảy lừng lờ.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ với thơ trữ tình để đánh giá sự khác nhau giữa hai thể loại thơ. b. Nội dung thực hiện: HS thực hiện một bài luận ngắn về một trong các chủ đề cho sẵn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài luận ngắn Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Hướng dẫn - Nội dung của thơ trữ tình là biểu hiện tư tưởng, tình cảm làm sống dậy cái thế giới chủ thể của hiện thực khách quan, giúp ta đi sâu vào thế giới của những suy tư tâm trạng, nỗi niềm. - Thơ Hai cú phản ánh tâm hồn người Nhật - tâm hồn ưa thích hòa nhập với thiên nhiên, vì vậy nội dung thường hướng đến một phong cảnh, một vài sự vật cụ thể, một tứ thơ, một cảm xúc, một suy tư... của người viết.

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu về THỂ THƠ HAI CÚ – CƯ VÀ CÁC TÁC GIẢ

PHIẾU HỌC TẬP

TÌM HIỂU THƠ HAI CÚ

KHÁI NIỆM

ĐẶC ĐIỂM

ĐIỀU EM THÍCH Ở THỂ THƠ NÀY

Phụ lục 2. Rubric chấm phần thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TUẦN 5: TIẾT: 13,14.

VĂN BẢN ĐỌC 4
THU HỨNG (CẢM XÚC MÙA THU)
ĐỖ PHỦ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh ghi nhớ** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối)
- ❖ **Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ** một số nét chính về tác giả và tác phẩm
- ❖ **Học sinh mô tả** một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng
- ❖ **Học sinh đối chiếu** được hai bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa) và **chỉ ra** chỗ hai bản dịch thơ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn
- ❖ **Học sinh phân tích và cảm nhận** được
 - + Hình ảnh và từ ngữ gợi không khí mùa thu trong 4 câu đầu bài thơ
 - + Nhân vật trữ tình được thể hiện qua câu số 5 và 6 của bài thơ
 - + Khung cảnh sinh hoạt của con người ở hai câu kết bài thơ
- ❖ **Học sinh phân tích và chỉ ra** được nỗi niềm thân phận của tác giả và ý nghĩa của bài thơ
- ❖ **Học sinh đánh giá** về ý kiến “*câu nào trong bài thơ cũng thể hiện cảm xúc về mùa thu*”.

2. Về năng lực

- ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản theo thể loại
 - ❖ **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối đọc
- 3. Về phẩm chất:** Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đặt vấn đề: Hãy nêu ít nhất 01 cảm nhất hoặc ấn tượng của con về mùa thu? Đối với những bạn chưa từng có kỉ niệm trải qua mùa thu, vậy mùa thu trong con được hình dung và cảm nhận như thế nào? ❖ HS suy nghĩ và trình bày các trải nghiệm của cá nhân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	GV dẫn dắt vào bài học <i>Nhà thơ Đỗ Phủ với những cảm hứng về mùa thu, mùa thu của Đỗ Phủ không chỉ đẹp mà còn gợi buồn.</i>

Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh ghi nhớ một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) ❖ Học sinh tìm hiểu và ghi nhớ một số nét chính về tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh mô tả một số đặc điểm cơ bản của thơ Đường luật (bố cục, cách gieo vần, luật bằng – trắc, phép đối) được thể hiện trong bài thơ Thu hứng ❖ Học sinh đối chiếu được hai bản dịch thơ với nguyên văn (thông qua bản dịch nghĩa) và chỉ ra chỗ hai bản dịch thơ chưa diễn đạt được sắc thái và ý nghĩa của nguyên văn b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh thực hành thảo luận nhóm đôi tìm hiểu về thơ Đường, thơ Đường luật và tác giả, tác phẩm qua phiếu bài tập	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về thể thơ và những nét chính về tác giả, tác phẩm Nhiệm vụ 1. Học sinh tìm hiểu về thơ Đường luật và chỉ ra những đặc điểm đó trong bài Thu hứng Nhiệm vụ 2. Học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Nhiệm vụ 3. Học sinh đối chiếu bản nguyên văn với hai bản dịch thơ và chỉ ra điểm khác biệt Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh tự lựa chọn nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Thơ Đường, thơ Đường luật và bài thơ Thu hứng a. Đặc trưng thơ Đường luật - Khái niệm thơ Đường luật: Thơ Đường luật hay còn gọi là thơ cận thể, là thể thơ cách luật ngũ ngôn hoặc thất ngôn được đặt ra từ thời Đường ở Trung Quốc. (<i>Từ điển thuật ngữ Văn học</i>) - Một số đặc trưng cơ bản + Cảm hứng chủ đạo ❖ Thơ u hoài về thể sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho. ❖ Hướng về tư tưởng Đạo giáo yêu thiên nhiên, thích xa lánh việc đời, tư tưởng Lão Trang ❖ Hướng về Phật giáo, xa lánh đời nhưng vẫn còn gần nhân thế + Cấu trúc bố cục ❖ Đề - Thực - Luận - Kết: Bố cục giao nhiệm vụ cho mỗi phần ❖ Khai - Thừa - Chuyển - Hợp: Chỉ ra mối quan hệ liên tục giữa bốn phần + Luật ❖ Là cách sắp đặt tiếng bằng tiếng trắc trong các câu của một bài thơ ❖ Luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất. ❖ Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc. + Niêm Là sự liên lạc về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật. Hai câu thơ niêm với nhau khi nào chữ thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc là cùng bằng hoặ cùng trắc, bằng niêm bằng, trắc niêm trắc

	+ Đối ❖ Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý với chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau (Đối tương phản hoặc tương hỗ) ❖ Đối ý là tìm hai câu có ý tưởng cân nhau mà đặt thành hai câu song nhau ❖ Đối chữ thì vừa phải đối thanh tức là B – T, T – B, vừa phải đối loại của chữ nghĩa, hai chữ tương tự loại (cùng danh, cùng động,...) + Vần – Vận ❖ Vần (Chữ Nho là vận) là những tiếng thanh âm hòa hiệp đặt vào hai hoặc nhiều câu văn để hưởng ứng nhau. ❖ Thơ Đường luật chỉ gieo một vần là vần bằng (bình), hiếm khi gieo vần trắc. Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ: riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bát cú có thể không cần gieo vần cũng được). b. Bài thơ Thu hứng Thể thơ: Thất ngôn bát cú Luật B – T: Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm, T T B B B T B Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm. B B B T T B B Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng, B B B T B B T Tái thượng phong vân tiếp địa âm. T T B B T T B Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ, B T T B B T T Cô chu nhất hệ cố viên tâm. B B T T T B B Hàn y xứ xứ thôi đao xích, B B T T B B T Bạch Đế thành cao cấp mộ châm. T T B B T T B Vần: Vần chân “âm” ở tiếng cuối cùng các câu 1 – 2 – 4 – 6 – 8 Đối: Câu 1 – 2: “Phong thụ lâm” – “Khí tiêu sâm” Câu 3 – 4: “Giang gian ba lãng” – “Tái thượng phong vân” “Kiêm thiên dũng” – “Tiếp địa âm” Câu 5 – 6: “Tùng cúc lưỡng khai” – “Cô chu nhất hệ” “Tha nhật lệ” – “Cố viên tâm” Câu 7 – 8: “Hàn y xứ xứ” – “Bạch Đế thành cao”
--	--

	Cảm hứng chủ đạo: Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư xã hội, đó là cảm hứng của nhà Nho. II. Những nét chính về tác giả, tác phẩm a. Tác giả - Đỗ Phủ, tự là Tử Mỹ, sau còn gọi là Thiều Lăng, quê tỉnh Hà Nam, ông nội là một nhà thơ có tiếng thời Sơ Đường (Đỗ Thảm Ngôn). Bố ông từng giữ chức Tư Mã. Hồ Chủ tịch đã từng gọi ông là “một người làm thơ nổi tiếng đời nhà Đường” (Di chúc) - Phần lớn là những bài thơ trực tiếp lên án giai cấp thống trị và phản ánh sâu sắc đời sống cực khổ của nhân dân, đặc biệt là những tai hoạ của chiến tranh, cảnh sống bất công giữa hai giai cấp đối lập - Nghệ thuật thơ Đỗ Phủ là đỉnh cao của phương pháp hiện thực. Lòng yêu nước yêu dân và tinh thần phản kháng ngùn ngụt trong thơ. Ông được gọi là “thánh thơ” (bậc thánh trong thơ), là “thi sử” (viết sử bằng thơ). Ngay đời nhà Đường, thơ ông đã được coi là tấm gương sáng, là một ngọn cờ và còn ảnh hưởng mãi đến mai sau. Nguyễn Du sùng bái Đỗ Phủ là “thiên cổ văn chương, thiên cổ sử”. b. Tác phẩm - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết trong thời gian Đỗ Phủ cùng gia đình đi chạy nạn ở Quý Châu (Nay thuộc Tứ Xuyên) (766). Là bài thứ nhất nằm trong chùm thơ Thu hứng (8 bài). - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. - Bố cục: 2 phần + 4 câu đầu (tiền giải): tả cảnh mùa thu ở Quý Châu + 4 câu sau (hậu giải): khung cảnh sinh hoạt của người dân và nỗi lòng của nhà thơ III. So sánh bản nguyên văn với hai bản dịch <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nguyên văn</th><th>Bản dịch thơ 1</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Câu thơ đầu, trong bản dịch thơ thì hình ảnh này lại nhẹ nhàng hơn.</td><td>- Câu thơ đầu, từ “điều thương”: đây là một tính từ đã được động từ hóa nhằm gợi sự tàn phá khắc nghiệt của sương móc đối với rừng phong.</td></tr> <tr> <td>- Câu 2: Địa danh Vu Sơn, Vu Giáp</td><td>- Câu 2: Bản dịch không dịch hai địa danh Vu sơn và Vu giáp. Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tẻ tái, thảm đạm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu</td></tr> </tbody> </table>	Nguyên văn	Bản dịch thơ 1	- Câu thơ đầu, trong bản dịch thơ thì hình ảnh này lại nhẹ nhàng hơn.	- Câu thơ đầu, từ “điều thương”: đây là một tính từ đã được động từ hóa nhằm gợi sự tàn phá khắc nghiệt của sương móc đối với rừng phong.	- Câu 2: Địa danh Vu Sơn, Vu Giáp	- Câu 2: Bản dịch không dịch hai địa danh Vu sơn và Vu giáp. Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tẻ tái, thảm đạm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu
Nguyên văn	Bản dịch thơ 1						
- Câu thơ đầu, trong bản dịch thơ thì hình ảnh này lại nhẹ nhàng hơn.	- Câu thơ đầu, từ “điều thương”: đây là một tính từ đã được động từ hóa nhằm gợi sự tàn phá khắc nghiệt của sương móc đối với rừng phong.						
- Câu 2: Địa danh Vu Sơn, Vu Giáp	- Câu 2: Bản dịch không dịch hai địa danh Vu sơn và Vu giáp. Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tẻ tái, thảm đạm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu						

		lòa” trong bản dịch chưa thể hiện hết ý này.
		- Câu 3: từ “thăm” làm cho âm hưởng thơ bị trầm xuống so với nguyên tác.
		- Câu 5: bản dịch bỏ mất chữ “lưỡng khai” chỉ số lần, làm mất đi dụng ý mà nhà thơ muốn thể hiện trong nguyên tác.
		- Câu 6: bản dịch bỏ mất chữ “cô” chỉ sự lẻ loi, đơn độc, làm mất đi dụng ý mà nhà thơ muốn thể hiện trong nguyên tác.
	Nguyên tác	Bản dịch thơ 2
	- Câu 2: Từ “tiêu sâm” trong nguyên văn diễn tả sự tiêu điều, tẻ tái, thăm đậm của khí thu, cảnh thu; cụm từ “khí thu dày” trong bản dịch chưa thể hiện hết ý này.	- Câu thơ đầu của bản dịch 2 cũng giống bản dịch 1 đều chưa làm rõ ý sự tác động của sương giá, đã tàn phá dữ dội rừng phong và rừng cây phong là đối tượng chịu tác động.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia nhóm để HS tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật đặc sắc của bài thơ Nhóm 1. Đọc chú giải và toàn bộ bài thơ, con hãy viết HAI đoạn văn ngắn nêu cảm nhận chung về toàn bài thơ sao cho HAI ĐOẠN VĂN có nội dung khác nhau Nhóm 2. Đọc chú giải và 4 câu đầu bài thơ Bức tranh mùa thu hiện lên qua những chi tiết nào? Con hãy khắc họa bằng đường nét (vẽ), chú thích một số cách hiểu và cảm nhận của con Nhóm 3. Đọc chú giải và 4 câu thơ sau Con hãy nêu cảm nhận của con về nỗi lòng của nhà thơ. Theo con nỗi lòng đó thể hiện điều gì? Hay thu âm một đoạn podcast để nêu cảm nhận của mình. Nhóm 4. Đọc chú giải và toàn bộ bài thơ, cùng với lí thuyết về thơ Đường đã được	II. Đọc hiểu văn bản 1. Không khí mùa thu trong 4 câu thơ đầu <i>Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm, Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm. Giang gian ba lǎng kiêu thiên dǔng, Tái thượng phong vân tiếp địa âm.</i> (Lác đác rừng phong hạt móc sa, Ngàn non hiu hắt khí thu lòà. Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm, Mặt đất mây đùn cửa ải xa.) - Hình ảnh: + <i>Ngọc lộ</i>: Sương long lạnh như ngọc + <i>Điều thương</i>: Héo tàn, tiêu điều, tan tác + <i>Phong thụ lâm</i>: Cây phong trong rừng, cây thân gỗ hoa màu vàng sẫm, nở mùa xuân, mùa thu chuyển lá đỏ ➔ Li biệt, tan thương, điều tàn - Không gian:	

học, con hãy chỉ ra đặc sắc nghệ thuật Đường thi của bài thơ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và hoàn thiện sản phẩm thảo luận

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

+ Vu Sơn, Vu Giáp: Dây núi gồm 12 đỉnh, trong đó có đỉnh cao hơn 3000m. Dòng Trường Giang chảy qua Vu Sơn tạo thành 3 vách nước (Chỗ dòng chảy hẹp, sâu, vách đá dựng đứng) gồm Cú Đường Giáp, Vu Giáp và Tây Lăng Giáp. Vu Giáp nổi tiếng hơn cả

+ "Suốt cả vùng Tam giáp: Vu Giáp, Từ Đường giáp, Tây Lăng giáp dài bảy trăm dặm, núi liên tiếp đôi bờ tuyệt đối không có một chỗ trống. Vách đá điệp trùng che khuất cả bầu trời, chẳng bao giờ thấy ánh nắng mặt trời, cũng như ánh sáng trắng"

→ **Rộng lớn, đa chiều: Chiều cao, chiều rộng, chiều sâu**

- **Không khí:** Khí tiêu sâm: u ám, từ ghép hợp nghĩa (Tiêu: hoang vắng, quạnh quẽ; sâm: rừng sâu)

→ **Tiêu điều, li tán**

Nhận xét: Sự tiêu điều, hiu hắt, bi thương lan tỏa khắp không gian trong một buổi chiều thu ở miền rừng núi.

- **Điểm nhìn:**

+ Xoay ngược theo chiều dọc từ lòng sông lên trên trời cao (gần → xa)

+ Hình ảnh đối lập:

Giang gian (giữa lòng sông) ba lăng (sóng lớn, sóng nhỏ) kiêm thiên (trời) dung (vọt mạnh lên)

Sóng vọt lên tận lưng trời

(Thấp) (Cao)

Tái thượng (ở biên cương) phong vân (mây) tiếp (sà xuống) địa (mặt đất) âm (che lấp, bao phủ)

Mây sa sầm xuống đến mặt đất

(Cao)

(Thấp)

Nhận xét: Cảnh thu chuyển động dữ dội (động từ mạnh) tạo nên bức tranh thu vừa hùng vĩ vừa bi tráng. Sự chuyển động và chao đảo của cảnh vật cũng là sự chao đảo của xã hội loạn lạc lúc bấy giờ. Lời thơ thể hiện nỗi lòng trước thời thế và tình cảm nhớ thương tuyệt vọng của nhà thơ
Tiểu kết: Cảnh sắc thu mang dấu ấn của vùng Quỳ Châu (vừa âm u, vừa hùng vĩ). Cảnh sắc ấy mang phong cách thơ Đỗ Phủ: trầm uất, bi tráng. Cảnh thu ấy chở nặng nỗi niềm lo lắng, bất an của nhà thơ về thế sự cuộc đời.

2. Tâm trạng và nỗi niềm của nhà thơ trong 2 câu thơ 5 và 6

Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ

Cô chu nhất hệ cố viên tâm

(Khóm cúc tuôn thêm dòng lệ cũ

	<i>Con thuyền buộc chặt mối tình nhà</i>) - Tùng cúc – Hoa cúc; Lưỡng khai – hai lần nở; Tha nhật lệ - nước mắt ngày khác: Đỗ Phủ từ Thành Đô chạy loạn đến Vân An, bị bệnh nên ở lại Vân An đến mùa xuân năm sau. Nhìn khóm cúc nở hoa, cảm nhận thời gian trôi nhanh, thấm thía nỗi cay đắng của quãng đời nay đây mai đó. Hoa – cũng có thể là cuộc sống tươi đẹp trong quá khứ. - Cô chu – con thuyền cô độc; nhất hệ - buộc chặt; cố viên tâm – trái tim vườn xưa: Cuộc đời trôi nổi lưu lạc, chỉ có con thuyền là phương tiện duy nhất để tác giả gửi niềm thương, nỗi nhớ về quê nhà - “Cúc” là hoa thu; “Con thuyền” là hình ảnh thường xuất hiện trong thơ Đỗ Phủ cuối đời (Mùa thu của cuộc đời), nó “chở” tâm tình mong được về quê của nhà thơ. Hai nhãn tự trong bài là “khai” (nở) và “hệ” (buộc): khai tha nhật lệ: mở ra ... nước mắt, hệ cố viên tâm: buộc vào...trái tim. Cũng cần lưu ý thêm phó từ: lưỡng – nhất, lưỡng phiếm chỉ số nhiều, nở ra rồi lại nở, nở ra nước mắt. Lệ của hoa hay lệ của con người đang khóc vì nỗi đau đón nhớ nhà. Nhất là một mà cũng là hàm ý duy nhất, mãi mãi, chỉ một. + Phép đối: lưỡng (khai) của cúc và nhất (hệ) của tâm và chữ “hệ” (buộc chặt) càng khẳng định tình cảm sâu nặng đối với quê hương không bao giờ thay đổi Cố viên tâm: Vườn cũ ở Lạc Dương → Nỗi nhớ quê Trảng An (kinh đô nhà Đường) → Lòng yêu nước thầm kín - Cả câu là ẩn dụ: Ta cũng như con thuyền lẻ loi, cô độc một mình nơi đất khách chưa được về chốn cũ, vườn xưa. Việc đồng nhất giữa cảnh và người nhằm nói lên nỗi niềm đau đáu của kẻ tha hương, nặng tình nặng nghĩa với quê nhà 3. Cảnh sinh hoạt của con người trong 2 câu thơ 7 và 8 <i>Hàn y xú xú thôi đao xích</i> <i>Bạch Đế thành cao cấp mộ châm</i> <i>(Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước</i> <i>Thành Bạch, chày vang bóng ác tà)</i> - Sáu câu thơ đầu không có một âm thanh nào, bỗng rộn lên tiếng thước đo vải, tiếng dao cắt vải, tiếng chày đập vải may áo rét. Đây cũng là âm thanh đặc thù của mùa thu Trung Quốc xưa – may áo chống rét cho người đang chinh chiến ở nơi biên ải xa xôi. Loạn Lộc An Sơn đã dẹp nhưng cuộc sống chưa được yên bình, bao người vẫn đang ở cửa ải xa. Trời
--	--

	đã tối, chỉ còn nghe tiếng chày, tiếng dao kéo cắt vải hòa cùng nỗi nhớ người thân.... - Hai câu kết cho ta thấy được góc nhìn từ ngoại cảnh đến tâm cảnh + Ngoại cảnh: Hàn y (áo rét) xú xú (mọi nơi) thôi đao xích (dao thước → để may áo). Bạch Đế thành (thành Bạch Đế) cao cấp mộ châm (phiên đá giặt quần áo, tiếng đập chày giặt áo) + Tâm cảnh: Hai câu luận: Cô đơn lẻ bóng. Hai câu kết: Vui tươi, ấm áp, hàn là lạnh nhưng lại cảm nhận thấy sự sum vầy, ấm áp. Tuôn rơi nước mắt, ước vọng được trở về quê, nhớ quê da diết 3. Giá trị nội dung Bài thơ vẽ nên bức tranh mùa thu hiu hắt, mang đặc trưng của núi rừng, sông nước Quỳnh Châu. Đồng thời, bài thơ còn là bức tranh tâm trạng buồn lo của nhà thơ trong cảnh loạn li: nỗi lo cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình. 4. Giá trị nghệ thuật - Tứ thơ trầm lắng, u uất - Lời thơ buồn, thấm đẫm tâm trạng, câu chữ tinh luyện - Bút pháp đối lập, tả cảnh ngụ tình - Ngôn ngữ ước lệ nhiều tầng ý nghĩa.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về yếu tố làm nên sức hấp dẫn của thơ Đường luật và thơ Hai - cư b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định	Bài làm mẫu Thơ hai-cư là thể thơ ngắn nhất thể giới và cũng là thể thơ truyền thống có vị trí quan trọng trong văn chương Nhật Bản. Thơ Đường luật là thể thơ xuất phát từ Trung Quốc, thường có hai thể tiêu biểu là thơ thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú. Thơ hai-cư và thơ Đường luật đều là những thể thơ ngắn gọn và thường viết về những cảm xúc của con người

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	trước hình ảnh thiên nhiên. Thơ hai-cư với những dòng thơ ngắn gọn chỉ từ ba đến bảy chữ tả cảnh thiên nhiên trong sáng, nhẹ nhàng và từ cảnh thiên nhiên gợi lên những rung động, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Nhà thơ Ba-sô, một thi sĩ nổi tiếng của văn học Nhật Bản đã viết ra bài thơ hai-cư miêu tả hình ảnh cành cây khô hay con quạ đen vào mùa thu. Hình ảnh tuy giản dị nhưng lại mang theo mỗi niềm tâm trạng của nhà thơ trước cảnh đẹp thiên nhiên. Còn thơ Đường luật cũng là thể thơ ngắn gọn với mỗi câu chỉ bảy chữ như bài thơ Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) của Đỗ Phủ tả cảnh mà chan chứa nỗi niềm tâm sự. Từ cảnh thiên nhiên núi non, bầu trời mùa thu cùng với cảnh sinh hoạt làng quê chuẩn bị đón đông đến, người đọc cũng cảm nhận được nỗi niềm tâm sự, nỗi mong nhớ được về thăm quê của tác giả. Hai thể thơ tuy đến từ hai đất nước khác nhau những điểm tương đồng của chúng đều là tả cảnh thiên nhiên để gợi nên nỗi niềm.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thể hiện được tinh thần nhân đạo, đồng cảm với nỗi đau, số phận con người b. Nội dung thực hiện: Trước thời thế loạn lạc, Đỗ Phủ cảm thấy cô đơn, bế tắc và nhớ thương quê hương da diết. Nhớ quê hương mà chẳng thể nào trở về. Qua đó ta cũng cảm nhận được tấm lòng yêu quê, tâm sự yêu nước trước thời cuộc của tác giả. Liên hệ bài thơ với cuộc sống, đối với em quê hương có vị trí như thế nào? Ngày nay trước những biến đổi không ngừng, những tác động từ chiến tranh, biến đổi khí hậu,... cũng sẽ phần nào ảnh hưởng tới quê hương. Em sẽ làm gì để cuộc sống ở quê hương ngày một tốt đẹp?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Gợi ý phần trả lời của HS và GV - Yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống - Có ý thức đoàn kết - Tham gia các hoạt động thiện nguyện, lá lành đùm lá rách,... - Phản đối chiến tranh phi nghĩa, ủng hộ các tổ chức và cá nhân chiến đấu chống lại cái ác,... - Học tập và góp sức xây dựng đất nước

Phụ lục 1. Phiếu tìm hiểu thơ Đường – Thơ Đường luật



Phụ lục 2. Phiếu tìm hiểu tác giả, tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP

01

THU HÙNG
(CẢM XÚC MÙA THU)

Tên gọi khác của nhà thơ

.....
.....
.....

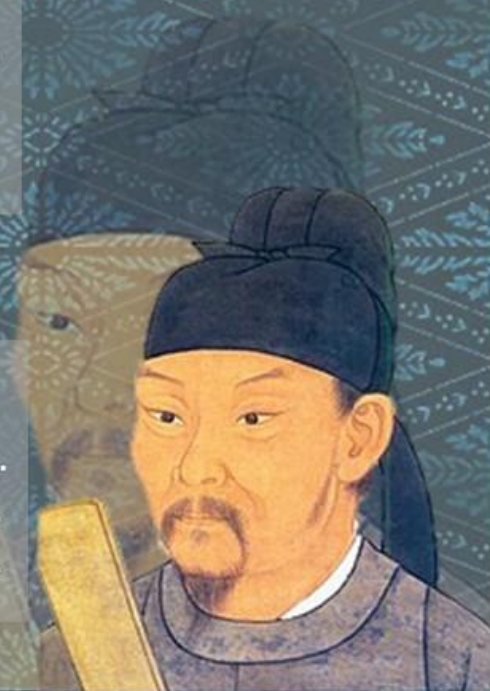
CON
HÃY
CHO
BIẾT

Gia đình

.....
.....
.....

Quê quán

.....
.....
.....



Phụ lục 3. Phiếu tìm hiểu so sánh nguyên văn – bản dịch

PHIẾU HỌC TẬP	THU HỨNG (CẢM XÚC MÙA THU)
NGUYỄN VĂN	BẢN DỊCH 1
NGUYỄN VĂN	BẢN DỊCH 2

Phụ lục 4. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 5. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TUẦN 5,6:

TIẾT: 15,16.

ĐỌC VĂN BẢN 5:

MÙA XUÂN CHÍN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về phong trào Thơ Mới.
- ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm.
- ❖ Học sinh phân tích nhan đề bài thơ “Mùa xuân chín”
- ❖ Học sinh xác định hình ảnh, từ ngữ thể hiện được trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ
- ❖ Học sinh phân tích ngôn từ của bài thơ trong việc thể hiện ý nghĩa các hình ảnh thơ
- ❖ Học sinh mô tả các ngắt nhịp và gieo vần của bài thơ từ đó **so sánh** cách gieo vần và ngắt nhịp trong một số thể thơ khác đã học
- ❖ Học sinh xác định mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, từ đó **phân tích** được hình tượng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, **chỉ ra** mối quan hệ giữa vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ và mạch cảm xúc trong bài thơ

2. Về năng lực

- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để **đọc hiểu** văn bản thơ ca
- ❖ Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để **viết đoạn** văn cảm nhận về một câu thơ, đoạn thơ, hình ảnh hoặc mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ

3. Về phẩm chất: Học sinh biết trân trọng cái đẹp, thấu hiểu nỗi niềm và cảm xúc giao cảm với cuộc đời của thi sĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV hỏi HS ❖ HS chia sẻ và trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên đặt câu hỏi - Con có nhớ những bài thơ, những câu thơ nào về mùa xuân mà con đã từng đọc? - Điều gì khiến con có ấn tượng hay thích thú ở những bài thơ, câu thơ ấy? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	Gợi ý phần trả lời của HS - Một số bài thơ: Mùa xuân nho nhỏ, Vội vàng,...

Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về phong trào Thơ Mới. ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và tác phẩm. ❖ Học sinh phân tích nhan đề bài thơ “Mùa xuân chín” ❖ Học sinh xác định hình ảnh, từ ngữ thể hiện được trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ ❖ Học sinh phân tích ngôn từ của bài thơ trong việc thể hiện ý nghĩa các hình ảnh thơ ❖ Học sinh mô tả các ngắt nhịp và gieo vần của bài thơ từ đó so sánh cách gieo vần và ngắt nhịp trong một số thể thơ khác đã học ❖ Học sinh xác định mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, từ đó phân tích được hình tượng của nhân vật trữ tình trong bài thơ, chỉ ra mối quan hệ giữa vần, nhịp, hình ảnh, từ ngữ và mạch cảm xúc trong bài thơ b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về phong trào Thơ mới, tác giả và tác phẩm ❖ Học sinh thực hành thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu để tìm hiểu về những đặc điểm và cảm nhận của cá nhân trong bài thơ Mùa xuân chín	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu tìm hiểu chung về tác phẩm Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu Thời gian: 10 phút Chia sẻ: 3 phút Phản biện và trao đổi: 2 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Tìm hiểu chung 1. Phong trào Thơ mới - Phong trào Thơ mới là một trào lưu thơ ca về cơ bản có tính chất lãng mạn tiểu tư sản, hình thành, phát triển trong văn học Việt Nam những năm 1932 – 1945. Trong Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh từng chỉ ra ba dòng chính trong Thơ mới (tất nhiên luôn luôn giao hoán với nhau): + Dòng chịu ảnh hưởng thơ phương tây (Pháp) + Dòng chịu ảnh hưởng thơ Đường + Dòng ít chịu tác động các nguồn khác mà có tính cách Việt Nam rõ rệt - Chia làm 3 giai đoạn chính + 1932 – 1935: Đây là giai đoạn đánh dấu sự chớm nở của thơ mới, với sự đấu tranh gay gắt giữa hai trường phái thơ. Ở giai đoạn đầu, Thế Lữ là nhà thơ tiêu biểu nhất của Phong trào thơ mới với tập Mây vần thơ (1935). + 1936 – 1939: Cái Tôi Thơ mới những năm này không dè dặt, không mộng sầu man mác mà công khai, mạnh dạn bày tỏ những ước muốn, khát vọng sống, khát vọng hưởng thụ và cả những nỗi khổ đau riêng. Giai đoạn này xuất hiện nhiều tên tuổi lớn như Xuân Diệu (tập Thơ thơ -1938), Hàn Mặc Tử (Gái quê - 1936, Đau thương-1937), Chế Lan Viên (Điêu tàn - 1937), Bích Khuê (Tinh huyết - 1939), ... Đặc biệt sự góp mặt của Xuân Diệu, nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới”

	+ 1940 – 1945: Đây là giai đoạn thơ mới xuất hiện nhiều khuynh hướng khác nhau, về cơ bản vẫn giữ được nét đặc trưng của thơ mới những giai đoạn đầu, song đã bắt đầu có sự thoái trào. 2. Tác giả Tiểu sử - Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình - Gia đình: Trong một gia đình công giáo nghèo, có 5 anh chị em - Học vấn: Học hết trung học tại trường Pellerin (bậc thành trung) - Đường đời: Nhiều chông gai, khó khăn, đầy bi thương, nhất là trong chuyện tình cảm Con người - Gốc công giáo nên thiên hướng tâm linh - Con người trực giác nhạy bén, nhạy cảm □ Gặp bi kịch trong chuyện tình cảm Sự nghiệp sáng tác - Là một nhà thơ nổi tiếng, khởi đầu cho dòng thơ lãng mạn hiện đại Việt Nam, là người khởi xướng ra “Trường thơ Loạn” - <i>Đặc điểm trong thơ Hàn Mặc Tử</i> + Những vần thơ điên loạn, ma quái + Bên cạnh đó là những vần thơ trong trẻo, tươi tắn vô ngần + Thơ ông ảnh hưởng trường phái thơ siêu thực - Đặc biệt, thơ tình Hàn Mặc Tử là những lời tình đau thương nhất trong thi ca Việt Nam bởi nó gói gọn cả không gian, cả thiên nhiên vạn vật trong đau khổ nhưng đó lại là niềm đau rất đẹp, rất thơ - <i>Những tác phẩm chính:</i> Gái quê (1936) , Thơ Điên gồm 3 tập: Hương thơm, Mật đắng, Máu cuồng và Đau thương, Xuân Như Ý, Thượng Thanh kí. Và tác phẩm kịch: Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội,... - <i>Tư tưởng</i> “Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển bằng hết cảm giác của Tình yêu. Tôi đã vui buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống.” 3. Tác phẩm - Mùa xuân chín là bài thơ do Hàn Mặc Tử sáng tác, được xếp ở phần <i>Hương thơm</i> trong tập thơ Đau thương 1938. - Cùng với Đây thôn Vĩ Dạ, Tình quê,... đây là những thi phẩm đầy thơ mộng viết về cảnh quê, tình quê của Hàn Mặc Tử.
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	II. Đọc hiểu văn bản 1. Nhan đề bài thơ

Giáo viên chia lớp thành nhóm đôi, học sinh đọc phiếu và hoàn thiện phiếu để tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật bài thơ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ câu trả lời Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	- Nhan đề bài thơ Mùa xuân chín được cấu tạo bởi những từ thuộc loại từ: Danh từ + Động từ và Danh từ + Tính từ. - Nhan đề cấu tạo bởi từ loại là Danh từ + Động từ: Gợi cảm giác mùa xuân đang đi vào độ căng mọng và tươi đẹp nhất, và vẫn tiếp tục phát triển đẹp hơn nữa. - Nhan đề cấu tạo bởi từ loại là Danh từ + Tính từ: Gợi cảm giác mùa xuân đã đến độ tròn đầy rồi. 2. Các hình ảnh thể hiện trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ Trạng thái “chín” của mùa xuân trong bài thơ được thể hiện bằng những từ ngữ: <i>làn nắng ửng, khói mơ tan, lấm tẩm vàng, bóng xuân sang, sóng cỏ xanh tươi, mùa xuân chín</i> + Làn nắng ửng – Khói mơ tan: Chữ "làn" như gợi một hơi thở nhẹ nhàng, nắng như mỏng tang, mềm mại trải đều trong thơ và trong không gian. Làn nắng lại "ửng" lên trong "khói mơ tan". Cảnh sắc nhẹ nhàng, đẹp dân dã mà huyền diệu. + Lấm tẩm vàng: Trân trọng đón lấy cái nắng mới tinh khiết ấy là "Đôi mái nhà tranh lấm tẩm vàng!" Sự hô ứng trong văn thơ tạo ra một cảm xúc ấm áp, cảnh vật cân xứng hài hòa, đầy thơ mộng. Vài nét chấm phá đơn sơ mà tinh tế gợi cảm, dung dị mà đáng yêu. Chỉ có "đôi mái nhà tranh" hiện lên trong "làn nắng ửng" nhưng vẫn gợi lên một sức sống đang lay động, dân dã bình yên rất thân thuộc với mọi người. Nắng như đang rắc lên "đôi mái nhà tranh" chút sắc xuân và hương xuân: "Sột soạt gió trêu tà áo biếc". + Bóng xuân sang: Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, băng khuâng, vẫn vương đón "bóng xuân sang", cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc. Bên giàn thiên lí, mùa xuân đã sang. Mùa xuân nhẹ nhàng bước... như có thể cầm được, có thể nắm được ngay trước mắt mỗi chúng ta. + Sóng cỏ xanh tươi: Cỏ như xanh mãi, tươi mãi trong không gian mênh mông, bao la. Hình ảnh ẩn dụ "sóng cỏ" và ba chữ "gợn tới trời" gợi tả làn cỏ xanh dập dờn trong làn gió xuân nhẹ nhàng thổi. 3. Nhận xét ngôn từ của bài thơ – Hình ảnh mùa xuân được thể hiện qua ngôn từ * Bài thơ có những sự lựa chọn và kết hợp ngôn ngữ nào khiến bạn đặc biệt chú ý:
--	---

	- Đó là sự lựa chọn và kết hợp sử dụng độc đáo các từ láy kết hợp với tính từ, danh từ: lấm tấm vàng, sột soạt gió, nắng chang chang. - Hình ảnh mùa xuân không chỉ được miêu tả ở cảnh vật, ánh nắng mà nó còn được thể hiện ở “đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng”. Với từ láy “lấm tấm” ta như cảm nhận được sự rơi rớt của ánh nắng, tạo nên sắc thái động cho cảnh vật. - Những ánh nắng như được rắc từ từ trên mái nhà tranh. Cái khung cảnh ấy, cái ánh nắng vàng ửng ấy như tạo nên một không gian mùa xuân thật mới, một mùa xuân chín đang về. * Ngôn từ của bài thơ đã gợi nên một khung cảnh mùa xuân: - Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử đưa người đọc đến với một cảnh xuân thật lạ nhưng cũng thật mới, vẻ đẹp của mùa xuân đang ở độ chín, như chính là vẻ đẹp của con người đang ở độ tuổi đẹp nhất, độ tuổi rạo rực nhất. - Mùa xuân chín lúc thì dạt dào, lúc thì lắng dịu trong tâm hồn thi sĩ. Có lúc vồn vã, có lúc menh mang, như đang lắng hồn mình vào bước đi của mùa xuân rồi bồi hồi, "sực nhớ..." và "bâng khuâng". - Cái nhớ bâng khuâng của người lữ khách mãi mãi là tình thương mến, nỗi khát khao giao cảm với hương sắc và khúc nhạc mùa xuân, với làng quê thân thuộc nơi miền Trung "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang"... 4. Nhận xét cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ và so sánh với cách gieo vần ngắt nhịp của một số thể loại thơ khác * Mô tả cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ: + Cách ngắt nhịp: Đoạn 1: 4/3; Đoạn 2: 2/2/3; Đoạn 3: 4/3; Đoạn 4: 2/2/3 + Cách gieo vần: Gieo vần chân ở câu thơ 2,4; 5,8; 10,12; 14;16. - Trong khổ thơ đầu tiên, dấu chấm ở câu thơ “<i>Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang</i>” đã gây ấn tượng rất mạnh tới người đọc, được người ta chú ý. + Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, bâng khuâng, vấn vương đón “bóng xuân sang”, cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Mạch thơ ngập ngừng như mạch cảm xúc. + Và, cắt ngắt nhịp ở mỗi khổ thơ cũng có sự biến hóa. Chính sự biến hóa của cách ngắt nhịp này đã
--	---

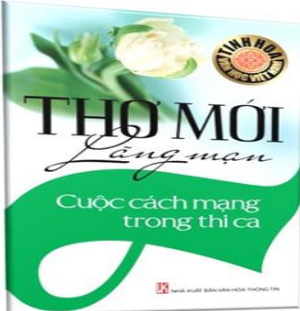
	khiến giai điệu của bài thơ, lúc thì vui tươi hóm hỉnh, lúc trầm lắng suy tư. + Không chỉ dừng lại ở đó, bởi vị trí gieo vần, cách gieo vần ở mỗi khổ thơ có sự khác nhau cũng tạo nên sự đặc sắc cho cả bài thơ. * So sánh mức độ chặt chẽ trong cách ngắt nhịp và gieo vần trong bài thơ này với một bài thơ trung đại làm theo thể Đường luật: Chọn bài thơ Thu hứng của nhà thơ Đỗ Phủ + Trong Thu hứng, về cách gieo vần: Gieo vần chân ở câu 1,2,4,6,8: cùng là vần “âm”; Về cắt ngắt nhịp: ngắt nhịp 4/3 ở tất cả các câu thơ không thay đổi. + Còn trong Mùa xuân chín, các vần chân được gieo đó là: ang, oi, ây, ang, có sự thay đổi ở mỗi khổ thơ. Cách ngắt nhịp giữa các khổ thơ cũng có sự linh hoạt, nhằm phù hợp diễn tả tâm trạng của nhà thơ. ➔ Mức độ chặt chẽ trong cắt ngắt nhịp, gieo vần của bài thơ này là không quá khắt khe, gò bó sơ với thơ Đường luật. 5. Hình ảnh con người hiện lên trong bài thơ và hình tượng nhân vật trữ tình - Con người trong bài thơ hiện diện qua những hình ảnh: + Bao cô thôn nữ hát trên đồi/ Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi. + Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi. + Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín/ Chị ấy, năm nay còn gánh thóc. - Tiếng hát mùa xuân dân dã, tình tứ và đáng yêu quá, sắc xuân, hương xuân, tình xuân "đang chín" dần trong lòng thôn nữ, bỗng ngập ngừng như có sự hẫng hụt, băn khoăn: <i>"Ngày mai trong đám xuân xanh ấy, Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi".</i> - "Đám xuân xanh ấy" là các cô thôn nữ đang hát, đang "thâm thì với ai ngồi dưới trúc" kia sẽ chín cùng mùa xuân và sẽ "theo chồng bỏ cuộc chơi" - Hình ảnh gắn với nhân vật trữ tình: Khách xa. Hình ảnh là đối tượng quan sát của nhân vật trữ tình: bao cô thôn nữ hát trên đồi, trong đám đó có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi. Hình ảnh nằm trong tâm tưởng của nhân vật trữ tình: Hình ảnh một cô gái gánh thóc bên bờ sông. 6. Mối liên hệ giữa nhịp, vần, hình ảnh, ngôn từ và mạch cảm xúc của bài thơ - Nhịp: Cắt nhịp ngắn ở khổ thơ đầu tạo cảm giác vui tươi, rồi nhịp dài ở khổ sau tạo cảm giác trầm buồn, sâu lắng ➔ Sự thay đổi tâm trạng của thi nhân
--	--

	từ quá khứ vui vẻ tới sự hoài niệm trong đau đớn, cô đơn - Văn: “ang” “oi” “ây” đều mang âm hưởng vang động giống như miền kí ức kéo dài thêm nỗi nhớ của thi sĩ, sự nuối tiếc xa vời - Hình ảnh: Đặc tả mùa xuân đầy tươi đẹp ở hai khổ thơ đầu, gợi không khí vui tươi. Hai khổ thơ sau là hình ảnh người con gái bỏ cuộc chơi đi theo chồng, tạo sự tiếc nuối, buồn man mác. Tất cả xuân sắc, xuân đẹp huy hoàng ấy chỉ là một ánh chớp kỷ niệm thoáng qua mà thôi. Cái còn lại, khiến người ta thêm buồn, đó là cái ký ức về xuân thì của “chị ấy” của ngày xa xưa. Cho nên, ở hiện tại, người khách xa sức nhớ cũng là để ngậm ngùi, tiếc thương – tiếc thương cho cái đẹp không biết bây giờ có còn không. ➔ Cảm xúc trân trọng về đẹp của mùa xuân, vẻ đẹp của thời thanh xuân thiếu nữ nhưng cũng buồn bã, xót xa cho những gì phải chia xa. Giá trị nội dung của Mùa xuân chín Tổng kết: 1. Nội dung - Bài thơ thể hiện khung cảnh mùa xuân tươi mới, đẹp đẽ, tràn đầy sức sống nơi nông thôn dân dã của làng quê Việt Nam - Thể hiện niềm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống của thi nhân, gửi gắm niềm yêu thương và hy vọng vào một cuộc sống tốt đẹp, mùa xuân mang vị “chín” của lòng người 2. Giá trị nghệ thuật của Mùa xuân chín - Ngôn từ giản dị, mộc mạc, dễ hiểu - Hình ảnh thơ gần gũi, thân thuộc - Giọng thơ tự nhiên, thủ thỉ, tâm tình
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Dựa vào nội dung tìm hiểu tác phẩm viết kết nối đọc về về một câu thơ hay một hình ảnh gợi cho bạn nhiều ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử. b. Nội dung thực hiện HS thực hành viết kết nối đọc theo hướng dẫn của GV	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc	Bài làm mẫu Hàn Mặc Tử là một thi sĩ có phong cách thơ rất riêng biệt, độc đáo. Ông để lại cho đời nhiều tập thơ nổi tiếng như Gái Quê, Thơ Điên hay Chơi Giữa Mùa

Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Trăng. Bài thơ "Mùa xuân chín" là một bài thơ tiêu biểu, góp phần làm nên tên tuổi của nhà thơ. Tựa đề bài thơ đầy ẩn tượng "Mùa xuân chín", ta nghe như có sự mềm mại, hương thoang thoảng của vị xuân rạo rực mà không kém phần đậm thắm, ý tứ chất chùng những tầng sâu ý nghĩa khiến ta tò mò muốn khám phá, thôi thúc ta đi sâu vào nội dung tác phẩm để khám phá nét "chín" của mùa xuân trong thơ Hàn Mặc Tử ra sao. <i>"Trong làn nắng ửng khói mơ tan Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng Sột soạt gió trêu tà áo biếc Trên giàn thiên lý bóng xuân sang"</i> Bức tranh mùa xuân chôn thôn quê thật thanh bình, duyên dáng mà đậm thắm yêu thương. Trong làn nắng nhẹ của bầu trời, làn khói xa như tan đi, tạo nên vẻ đẹp như mơ như thực, không quá chi tiết, chỉ đôi nét chấm phá nhưng khiến ta không khỏi xuyến xao trước khung trời đầy yên bình lúc này. Trên những mái nhà tranh nơi quê nghèo lấm tấm màu hoa thiên lý điểm tô, cơn gió nhẹ đung đưa những chiếc lá xanh biếc tạo nên thứ âm thanh lạ lùng "sột soạt", tất cả đều quá đổi nhẹ nhàng mà thân thương. Mùa xuân đang len lỏi vào cảnh vật, trên giàn thiên lý báo xuân về, mùa xuân đến, cây cỏ, thiên nhiên, đất trời, và lòng người như hoà quyện lấy nhau
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ nội dung bài thơ với hoàn cảnh của Hàn Mặc Tử. b. Nội dung thực hiện: GV đặt vấn đề, HS thảo luận	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Hàn Mặc Tử phải sống trong cảnh tuyệt vọng vì bệnh tật trong nhà thương Tuy Hòa tuy nhiên ông vẫn sáng tác, vẫn làm thơ và vẫn giao cảm mãnh liệt với cuộc đời. Trình bày suy nghĩ của con về câu nói sau của Hàn Mặc Tử, liên hệ với những trường hợp trong xã hội ngày nay khi các bạn trẻ không trân trọng sự sống, coi sự sống thật sự rất mong manh để rồi ra đi từ khi còn quá trẻ. <i>Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ - sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn hờn giận đến gần đứt sự sống</i>	Gợi ý một số câu trả lời tham khảo - Chính vì càng trong hoàn cảnh ngặt nghèo, khổ đau con người càng khao khát sống, khao khát có được một cuộc sống hạnh phúc, bình thường - Hàn Mặc Tử đang ở độ "chín" nghề nhất, khao khát được yêu thương, khao khát được sống hòa mình vào cuộc sống bình thường. Chính vì vậy, dù chỉ còn một chút hơi thở cuối cùng, thi sĩ họ Hàn vẫn luôn sống hết mình, yêu đời khát sống trọn vẹn - Xã hội ngày nay, nhiều bạn trẻ vẫn coi nhẹ sự sống, coi thường chính sinh mạng để rồi ra đi khi còn quá trẻ. Các bạn cần được giáo dục rằng sự sống là trân quý và chỉ khi nào ta sống hết mình, lạc quan và hòa mình vào cuộc sống ta mới hiểu được giá trị trọn vẹn của việc sống và được sống

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Tuy nhiên, cũng cần có những biện pháp trị liệu tâm lí dành cho những trường hợp có suy nghĩ tiêu cực, trầm cảm để những người còn đang u uất sớm lấy lại tinh thần và tận hưởng cuộc sống trọn vẹn hơn.
---	--

Phụ lục 1. Phiếu học tập tìm hiểu chung về Thơ mới, tác giả, tác phẩm



Họ và tên: _____
Lớp: _____

HOÀN CẢNH RA ĐỜI

GHI LẠI MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN VÀ NỐI VỚI CÁC TÁC GIẢ CHO PHÙ HỢP

Giai đoạn 1:.....	●	Huy Cận
_____		Xuân Diệu
Giai đoạn 2:.....		Bích Khê
_____	●	Chế Lan Viên
_____		Thế Lữ
Giai đoạn 3:.....		Lưu Trọng Lư
_____	●	Hàn Mặc Tử

Họ và tên:
Lớp:

TIỂU SỬ

QUÊ QUÁN

GIA ĐÌNH

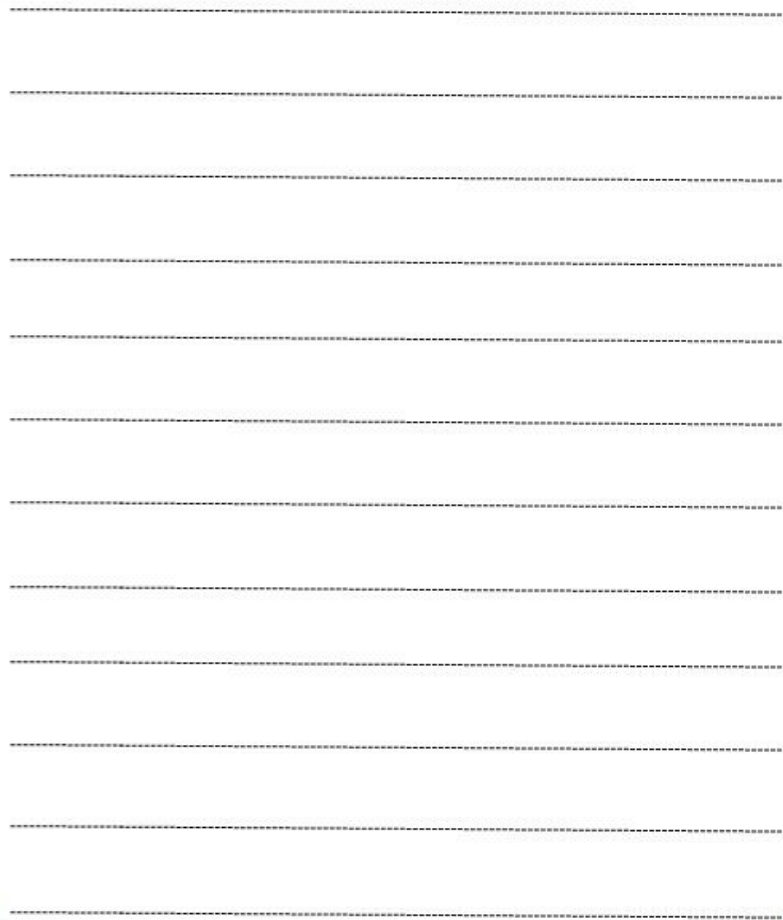
CON NGƯỜI

ĐƯỜNG ĐỜI



Họ và tên:
Lớp:

**BÀI THƠ
MÙA XUÂN CHÍN**



A large, rounded rectangular box with horizontal dashed lines for writing a poem. The box is white with a thin orange border and is set against a background of a lush green landscape with trees and a body of water.

Phụ lục 2. Phiếu học tập tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật bài thơ

Họ và tên:

Lớp:

NHAN ĐỀ BÀI THƠ

Nhan đề
bài thơ
được cấu
tạo từ
những từ
loại nào?
Qua đó,
em hiểu
nhan đề
bài thơ
như thế
nào?

HÌNH ẢNH THƠ

Từ nhan
đề bài thơ,
em hãy
tìm những
hình ảnh
thể hiện
được trạng
thái “chín”
của mùa
xuân trong
bài thơ

Họ và tên:

Lớp:

NGÔN TỪ

Bài thơ có
sự lựa
chọn ngôn
từ nào con
đặc biệt
chú ý?

TÁC DỤNG NGÔN TỪ

Ngôn từ ấy
đã tái hiện
khung
cảnh mùa
xuân như
thế nào?

Họ và tên:
Lớp:

GIEO VẦN – NGẮT NHỊP

Cách gieo
vần, ngắt
nhịp của
bài thơ có
gì đặc
biệt?

SO SÁNH

So sánh
với cách
gieo vần
và ngắt
nhịp của
bài Thu
hứng (Đỗ
Phủ) đã
học

Họ và tên:

Lớp:

HÌNH ẢNH CON NGƯỜI

Ghi lại
những câu
thơ có sự
xuất hiện
của con
người và
nêu nhận
xét

NHÂN VẬT TRỮ TÌNH

Nhân vật
trữ tình
hiện lên
trong bài
thơ như thế
nào? Dấu
hiệu nào
cho thấy
điều đó

Lớp:

Mối liên hệ giữa hình ảnh, ngôn từ, cách gieo vần, ngắt nhịp và mạch cảm xúc của bài thơ được thể hiện như thế nào? Nêu cảm nhận chung của con về bài thơ.

[illegible]

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

**TIẾT 17. ĐỌC VĂN BẢN 6:
BẢN HÒA ÂM NGÔN TỪ TRONG “TIẾNG THU”
CỦA LƯU TRỌNG LƯ
(Chu Văn Sơn)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh** nêu một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu
- ❖ **Học sinh xác định** cách triển khai bài viết trên hai bình diện “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả đề cập
- ❖ **Học sinh phân tích** sự khác biệt lớn nhất trong việc miêu tả thiên nhiên trong Thơ mới với thơ cổ điển.
- ❖ **Học sinh xác định** các thao tác lập luận được triển khai trong một bài phân tích thơ của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn để làm nổi bật giá trị nghệ thuật và giá trị nội dung của tác phẩm
- ❖ **Học sinh xác định** các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một tác phẩm thơ

2. Về năng lực: **Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ

3. Về phẩm chất: Trân trọng và yêu vẻ đẹp của thơ nói riêng và vẻ đẹp thẩm mỹ của cuộc sống nói chung

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ Chơi trò chơi: TIẾP SỨC ❖ GV đặt câu hỏi: Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ ❖ HS truyền bút, GV phát đoạn nhạc, nhạc dừng ở đâu HS chia sẻ ý kiến, thư kí lớp ghi lại	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi và giao nhiệm vụ <i>Chia sẻ về những điều khó khăn và thú vị khi tiếp xúc một tác phẩm thơ</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời khi đến lượt Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Tìm hiểu về một bài phân tích những điều đặc sắc của một bài thơ và học hỏi cách phân tích một bài thơ.	HS có thể chia sẻ - Khó khăn: + Khó đoán được những ý nghĩa ẩn sau lớp ngôn từ tương đối ngắn gọn + Phát hiện về các âm điệu, ngôn từ + Nhiều từ ngữ mới mẻ, khó đoán nghĩa - Thú vị: + Sự hòa điệu giữa ngôn ngữ và âm nhạc, mỹ thuật (âm thanh, hình ảnh) + Nỗi niềm ẩn dấu sau những câu từ ngắn gọn, đẹp đẽ của tác giả.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh nêu một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu ❖ Học sinh xác định cách triển khai bài viết trên hai bình diện “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả đề cập ❖ Học sinh phân tích sự khác biệt lớn nhất trong việc miêu tả thiên nhiên trong Thơ mới với thơ cổ điển. ❖ Học sinh xác định các thao tác lập luận được triển khai trong một bài phân tích thơ của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn để làm nổi bật giá trị nghệ thuật và giá trị nội dung của tác phẩm ❖ Học sinh xác định các yếu tố làm nên sức hấp dẫn của một tác phẩm thơ b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh tìm hiểu cách đọc hiểu một bài thơ qua hoạt động MẢNH GHÉP TRI THỨC ❖ Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự ❖ Học sinh thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên chia lớp thành các nhóm, các nhóm hoàn thiện các thẻ nhiệm vụ có đánh số (có yếu tố phân hóa), hoàn thành xong thẻ theo lần lượt số thứ tự Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thảo luận và làm bài sau đó chia sẻ và rút ra kết luận cách đọc hiểu một bài thơ Thời gian (chỉ tính thời gian thảo luận dự kiến): 20 phút Chia sẻ (dự kiến): 15 phút Phản biện và trao đổi chốt kiến thức: 10 phút Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	• Học sinh thực hiện từng câu hỏi trong thẻ nhiệm vụ ở phụ lục • Nội dung kết luận 1. Một số thông tin về tác giả và bài thơ; thông tin về nhà nghiên cứu a. Tác giả: Lưu Trọng Lư - Lưu Trọng Lư là người làng Cao Lao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông sinh trưởng trong một gia đình quan lại xuất thân nho học. Thuở nhỏ, ông học trường tỉnh, rồi học ở Huế (đến năm thứ 3 tại Quốc học Huế) và Hà Nội. Sau đó, ông bỏ học đi dạy tư, làm văn và làm báo để kiếm sống. Nhà phê bình – nghiên cứu văn học Chu Văn Sơn - Quê quán: Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa - Giảng viên đại học Sư phạm Hà Nội 1. Bộ môn: Văn học hiện đại và đương đại b. Tác phẩm: Tác phẩm: Tiếng thu Rút trong tập “Tiếng thu” (1939) gồm 52 bài 2. Các bình diện của “tiếng thu” và “tiếng thơ” trong bài thơ của Lưu Trọng Lư Trong văn bản, hai cụm từ “tiếng thu” và “tiếng thơ” được tác giả in hoa với dụng ý nhấn mạnh. Theo phân tích của tác giả Chu Văn Sơn, “tiếng thu” là những âm thanh mơ hồ, tinh tế của đất trời và của tâm hồn con người; “tiếng thơ” chính là hình thức của bài thơ, là tổ chức ngôn từ để làm sống dậy “tiếng thu”, gây ấn tượng cho người đọc. Hay nói cách khác: “Tiếng thu” – Bình diện cảm xúc, nội dung còn “Tiếng thơ” – Bình diện hình thức, nghệ thuật cấu tạo nên “Tiếng thu”

	3. Trình tự của bài viết và ý nghĩa “Tiếng thu” trong thơ Lưu Trọng Lư - Trình tự của bài viết đi từ “tiếng thơ”, tức đi từ phương diện dễ thu hút sự chú ý của người đọc ngay khi đọc bài thơ – nhạc tính của bài thơ. Tác giả phân tích các thủ pháp kiến tạo nhạc tính của bài thơ để từ đó, cho thấy nhạc tính ở đây chính là một phương diện hình thức mang tính nội dung khi nó là cách hiệu quả nhất để khơi dậy những liên tưởng về “tiếng thu”. Cách tiếp cận bài thơ từ phương diện hình thức, vì thế, có sức thuyết phục bởi giá trị thẩm mĩ của một tác phẩm thơ ca toát lên từ chính hình thức cảm tính của nó. - Nhà thơ Lưu Trọng Lư gọi tên tác phẩm của mình là Tiếng thu, nhưng trong đó, “tiếng thu” không còn mang tính khách quan nữa mà đã trở thành tiếng lòng của người sáng tạo, được phát ra nhờ sự cộng hưởng giữa con người và trời đất cùng các phương tiện ngôn từ được sử dụng. 4. Tính hợp lí trong cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết - Cách tổ chức và triển khai ý tưởng trong bài viết là rất hợp lí. Người phê bình cần phải bám sát văn bản được phê bình, thể hiện sự đồng cảm thấu hiểu với nhà thơ, tích cực làm cầu nối giữa văn bản và độc giả, giúp độc giả cảm nhận được nét độc đáo của văn bản Mở đầu gợi dẫn về “hồn thơ” và “hồn thu”, bàn về cái “động” cái “tĩnh” trong thơ cổ điển và Thơ mới, bàn về âm điệu của bài thơ, cách sử dụng từ ngữ (từ láy, từ tượng thanh), âm hưởng bài thơ và cấu trúc của bài thơ 5. Sự khác biệt trong miêu tả thiên nhiên của thơ cổ điển và Thơ mới. - Trong khi thơ cổ điển thiên về nắm bắt thế giới trong trạng thái tĩnh, làm nổi bật vẻ đẹp yên tĩnh, thanh vắng của thiên nhiên, qua đó, thể hiện một tâm thế an nhiên, tĩnh tại của thi nhân thời xưa thì Thơ mới làm nổi bật trạng thái “xôn xao” của thế giới. Cái “xôn xao” này, theo Chu Văn Sơn, là kết quả cộng hưởng của cái “xôn xao” của tạo vật, của ngoại cảnh với trạng thái tâm hồn của con người đang rung cảm trước thế giới. - Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này là thời hiện đại cho phép con người cá nhân được giải phóng, thế giới cảm giác, cảm xúc của con người cũng được cởi trói. Nhà thơ không chỉ miêu tả thế giới mà còn phóng chiếu cảm giác, cảm xúc của mình vào trong
--	---

	bức tranh thế giới ấy. Họ muốn tái hiện thế giới trong trạng thái đang vận động, đang sinh thành chứ không phải một thế giới được ngưng kết lại thành vĩnh cửu. 6. Thao tác lập luận khi phân tích ngôn từ của bài thơ, có tác dụng trong việc làm nổi bật giá trị thẩm mỹ của bài thơ - Các thao tác được sử dụng thường xuyên là thống kê, so sánh và đối lập (thống kê: số các tiết tấu và các âm bằng, trắc; số các cụm từ làm thành điệp khúc,...; so sánh và đối lập: số dòng trong các khổ, tính chất của các “tiếng” được thể hiện bằng các từ tượng thanh như thồn thức, rạo rức, xào xạc,...). Bằng việc phát huy thao tác so sánh và đối lập này, tác giả chứng minh được hiệu quả thẩm mỹ trong cách Lưu Trọng Lư tổ chức ngôn từ trong bài thơ. Chẳng hạn, khi chứng minh hiệu quả thẩm mỹ của từ láy “xào xạc”, nhà phê bình đã so sánh nó với từ “xao xác” để thấy hai từ láy này như một nốt nhạc nhưng chơi ở hai cung khác nhau, một bên, trầm và đục, gợi ra sự âm u, huyền bí của rừng già còn một bên, đánh và cao, gợi ra tiếng lá quét mình trên đường phố,... - Việc cảm thụ giá trị của bài thơ cần phải bắt đầu từ việc nhận ra và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của ngôn từ thơ, nhưng để nhận ra giá trị thẩm mỹ đó của ngôn từ, không thể chỉ dựa vào những nhận xét đại khái, mang tính chất định tính. Luôn cần một sự khảo sát, thống kê kỹ lưỡng bởi mọi nhận xét đều phải được nêu lên trên nền một dữ kiện xác thực, chắc chắn. Bên cạnh đó, việc so sánh, đối chiếu giá trị biểu đạt của từng từ ngữ khác nhau có ý nghĩa rất quan trọng, vì trong sáng tác thơ, việc lựa chọn từ ngữ luôn có một ý nghĩa đặc biệt. 7. Xác định các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của một bài thơ Sự thống nhất, hài hoà giữa bình diện biểu đạt và bình diện được biểu đạt, giữa tổ chức ngôn từ và cái nhìn thế giới độc đáo. + Hình thức: Âm điệu, ngôn từ, âm hưởng, cấu trúc + Nội dung: Ý nghĩa cao đẹp về cuộc sống, sự sống hay các vẻ đẹp có giá trị thẩm mỹ cao
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết kết nối với đọc, nêu cảm nhận về sức hấp dẫn của một bài thơ b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện bài viết kết nối đọc	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	GV và HS có thể tham khảo bài làm mẫu sau

Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện viết kết nối đọc Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Thơ là sản phẩm của sự sáng tạo nghệ thuật được coi là xuất hiện gần như sớm nhất trong đời sống của loài người. Đã có hàng ngàn định nghĩa nhưng chưa có một định nghĩa nào có thể diễn đạt được một cách toàn diện và sâu sắc về thơ. Do đó người ta hiểu rằng định nghĩa về thơ là rất khó. Chỉ có thể thừa nhận rằng thơ là thể loại tiêu biểu cho sự tinh túy của nghệ thuật ngôn từ. Khi đọc một bài thơ bất kì, ta thường bị hấp dẫn bởi hình thức, nghệ thuật, rồi mới đến nội dung của bài thơ. Thơ là một sản phẩm của sáng tạo in đậm dấu ấn chủ quan của người làm thơ, do đó, khi đọc thơ cần chú ý những đóng góp riêng của tác giả bài thơ về tứ thơ, cảm hứng, tư tưởng. Nhưng các yếu tố quan trọng này lại được thể hiện qua những rung động, xúc cảm được diễn đạt bằng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn ngữ. Cho nên, chỉ có thể bằng cách liên tưởng, đối chiếu, so sánh giữa bài thơ đang đọc với các bài thơ khác của chính tác giả; giữa thơ của tác giả với nhiều nhà thơ cùng thời hoặc trước đó cùng chung đề tài. Thí dụ: Đọc bài Đây mùa thu tới của Xuân Diệu trong sự liên tưởng so sánh với Thu ẩm của Nguyễn Khuyến, Cảm thu, Tiễn thu của Tản Đà hoặc so sánh giữa Đây mùa thu tới với Tiếng thu của Lưu Trọng Lư, Tỳ Bà của Bích Khê... Một bài thơ là một thế giới khép kín, muốn hiểu và làm chủ được thế giới ấy cần biết cách đi vào nó vào những thời điểm thích hợp. Đó là khi tâm hồn người đọc có nhu cầu chia sẻ, thưởng thức cái đẹp, hay đơn giản chỉ muốn thấu hiểu con người và cuộc đời.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng phương pháp để đọc hiểu một văn bản thơ b. Nội dung thực hiện: HS viết, vẽ hoặc lập sơ đồ tư duy, phương pháp để đọc hiểu một tác phẩm thơ.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện vẽ, viết hoặc lập sơ đồ tư duy, biểu đồ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV và HS tham khảo phương pháp đọc hiểu tác phẩm thơ qua các bước sau • Bước 1. Đọc kĩ tác phẩm thơ • Bước 2. Gạch chân hoặc chú thích những từ ngữ, những yếu tố về hình thức gây ấn tượng mạnh • Bước 3. Xác định các nội dung bằng cách đặt câu hỏi: Cấu trúc, âm điệu, âm hưởng, ngôn từ của bài thơ có gì đặc biệt? Điều đó được thể hiện thế nào? Vì sao tác giả lại viết như vậy mà không phải cách diễn đạt, tổ chức khác? • Bước 4. Dự đoán tâm sự của tác giả trong bài thơ, có liên hệ gì với mặt hình thức vừa thực hiện ở bước 3.

	• Bước 5. Vận dụng thao tác: So sánh, thống kê, đối lập, phân tích, chứng minh để cảm nhận cái hay và cái đặc sắc của bài thơ
--	--

Phụ lục 1. Thẻ nhiệm vụ tìm hiểu văn bản



THẺ NHIỆM VỤ SỐ 1
Thời gian: 3 phút

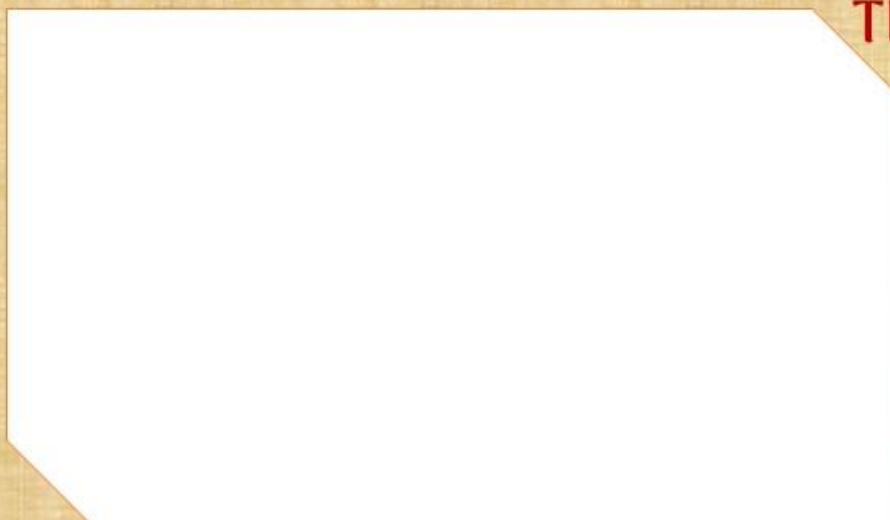
Ghi lại 3 thông tin về tác giả Lưu Trọng Lư, 2 thông tin về nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn, 1 thông tin về tác phẩm “Tiếng thu”

THẺ NHIỆM VỤ SỐ 2

Thời gian: 5 phút

Đọc văn bản, em hiểu thế nào về hai bình diện “tiếng thu” và “tiếng thơ”

TIẾNG THU



TIẾNG THƠ



THẺ NHIỆM VỤ SỐ 3

Thời gian: 8 phút

Những ấn tượng đặc sắc đối với em khi đọc bài “Tiếng thu” là gì?
So sánh với cảm nhận của nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn
Từ đó, em hiểu “tiếng thu” là gì? Vì sao nhà thơ đặt tên tác phẩm là “Tiếng thu”

CẢM NHẬN CỦA EM

CẢM NHẬN CỦA CVS

ÂM ĐIỆU

NGÔN TỪ

CẤU TRÚC

THẺ NHIỆM VỤ SỐ 4

Thời gian: 5 phút

Miêu tả thiên nhiên trong Thơ mới và thơ cổ điển có điểm gì khác nhau? Nguyên nhân do đâu?

THƠ CỔ ĐIỂN

THƠ MỚI

KHÁC
BIỆT

NGUYÊN
NHÂN

THẺ NHIỆM VỤ SỐ 5

Thời gian: 7 phút

Tác giả đã sử dụng những thao tác gì khi cảm nhận bài thơ? Từ đó, rút ra phương pháp đọc thơ hiệu quả

THAO
TÁC
TRONG
BÀI VIẾT

PHƯƠNG
PHÁP
ĐỌC
THƠ
HIỆU
QUẢ

Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 3. Rubric đánh giá viết kết nối với đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TUẦN 6; TIẾT 18: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
LỖI DÙNG TỪ, LỖI VỀ TRẬT TỰ TỪ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh phát hiện các lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ
 - ❖ Học sinh sửa được các lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ
 - ❖ Học sinh thực hành giải bài tập vận dụng trong sách giáo khoa
 - ❖ Học sinh vận dụng để tạo lập văn bản không mắc lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ
- 2. Về năng lực: Vận dụng năng lực** ngôn ngữ để phát hiện các lỗi sai và sửa lại cho đúng.

3. Về phẩm chất: Yêu Tiếng Việt và ý thức sử dụng từ chuẩn xác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV chiếu các đoạn trên báo chí, văn bản có sử dụng lỗi sai về dùng từ, trật tự từ gây hiểu lầm ❖ HS phát hiện và chỉ ra những điều chưa chính xác dễ gây hiểu lầm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV chiếu và cho HS đọc Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý các đoạn ngữ liệu có thể sử dụng Ngữ liệu 1. Trong bài Kiên quyết xử lý nếu trồng cây "nguyên bầu" là sai quy trình (Báo Hànộimới, ngày 16/6/2015), bài báo có tới 5 câu không có dấu chấm câu ở cuối câu, cuối đoạn. Bài báo Nguyên Phó BTC Quận ủy Cầu Giấy lĩnh án 12 năm tù trên tờ Petrotimes lại có câu “ Người bị truy tố về tội không tố giác tội phạm ”. Thực ra, đây chưa phải là câu hoàn chỉnh theo chuẩn tiếng Việt, vì câu này thiếu vị ngữ; cụm từ “ bị truy tố về tội không tố giác tội phạm ” mới chỉ là định ngữ cho danh từ “người” chứ chưa thể là vị ngữ của câu. Có thể người viết định diễn đạt theo ý đây là thành phần chú thích cho câu trước đó “Trước khi tuyên án, Hội đồng xét xử tập trung làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Văn (Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại tổng hợp và kinh doanh bất động sản)”, nhưng khi viết, đáng lẽ ra phải dùng dấu phẩy thì lại dùng dấu chấm để tách câu dẫn đến sai ngữ pháp.

	Ngữ liệu 2. “<i>Sau khi kết thúc Đại hội điểm Ban Thường vụ tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm phát huy những việc làm tốt, chỉ ra những tồn tại cần khắc phục để rút kinh nghiệm cho các chi bộ, đảng bộ đại hội sau</i>” (Tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ - báo Hànộimới, ngày 17/6/2015). Người đọc có thể thắc mắc, không hiểu “rút kinh nghiệm phát huy” là gì, “tồn tại” là gì ? Hóa ra, người viết quên (?) đánh dấu phẩy sau từ “kinh nghiệm” nên đã tạo thành một cụm từ lạ, khó hiểu là “rút kinh nghiệm phát huy”; còn “tồn tại” là cái đang có, cái còn lại thì tác giả lại dùng theo nghĩa là hạn chế, nhược điểm. Ngữ liệu 3. Trên Việt Nam Net (dẫn theo Trí Thức Trẻ), ngày 9/6/2015, trong bài Lê Roi phản pháo Đàm Vĩnh Hưng, có câu “<i>Mỗi người có một yếu điểm khác nhau và cái tài, cái duyên khác nhau</i>”. Ở đây, đáng lẽ dùng từ “điểm yếu” (hạn chế, nhược điểm, mặt yếu) thì tác giả lại dùng từ “yếu điểm” (điểm chính, điểm trọng yếu).
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh phát hiện các lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ ❖ Học sinh sửa được các lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ ❖ Học sinh thực hành giải bài tập vận dụng trong sách giáo khoa ❖ Học sinh vận dụng để tạo lập văn bản không mắc lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh thực hành bài tập 1 và 2 trong sách giáo khoa phát hiện lỗi dùng từ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên giao bài tập • HS làm bài tập cá nhân Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành làm bài tập 1,2 cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Hướng dẫn trả lời bài tập 1 và 2 Bài tập 1: Hãy tìm lỗi dùng từ trong các câu sau và đưa ra cách sửa lỗi thích hợp: <i>a. Nhà thơ Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản.</i> – Lỗi lặp từ, thừa một từ “nhà thơ”. – Đề xuất phương án sửa: Cô-ba-y-a-si Ít-sa là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của thơ hai-cư Nhật Bản. <i>b. Đề tài, chủ đề, cảm hứng cũng như nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng, khác nhau.</i> – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Đề tài, chủ đề, cảm hứng đều là các thuật ngữ được bao chứa trong “nội dung”, trong khi đó “đa dạng” và “khác nhau” là hai từ đồng nghĩa. – Đề xuất phương án sửa: Đề tài, chủ đề, cảm hứng của các bài thơ hai-cư rất đa dạng. Nội dung của các bài thơ hai-cư rất đa dạng.

	<i>c. Bài thơ “Thu hứng” là một trong những thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ.</i> – Lỗi lặp từ đồng nghĩa. Bài thơ và thi phẩm là hai từ đồng nghĩa với nhau, trong trường hợp này chỉ nên dùng một từ. – Đề xuất phương án sửa: “Thu hứng” là một trong những bài thơ/ thi phẩm nổi tiếng của Đỗ Phủ. <i>d. Nhà thơ đã mượn trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống.</i> – Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Từ mượn ở đây là từ không phù hợp, vì mượn thường gắn liền với những gì vốn thuộc về người khác, trong khi đó “trí tưởng tượng” lại là thứ vốn thuộc về bản thân. – Đề xuất phương án sửa: Nhà thơ đã dùng/ sử dụng trí tưởng tượng của mình để tái hiện bằng ngôn từ một khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống. <i>e. Được sinh ra trong một gia đình trí thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách.</i> – Lỗi dùng từ không đúng nghĩa: trí thức có nghĩa là “hiểu biết, kiến thức”, trong khi đó, để chỉ một thành phần xã hội, ta phải dùng từ trí thức, tức những người có trình độ học vấn cao, làm việc trong những lĩnh vực liên quan đến tư tưởng và khoa học. – Đề xuất phương án sửa: Được sinh ra trong một gia đình trí thức, từ nhỏ, nhà văn X đã là một cậu bé say mê đọc sách. <i>g. Bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh của nhân vật trữ tình – người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng.</i> – Lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Cũng như câu trên, câu văn mắc lỗi dùng thuật ngữ chưa chính xác. Hình ảnh người phụ nữ gánh thóc kết lại bài Mùa xuân chín chỉ là đối tượng khơi dậy cảm xúc của nhân vật trữ tình vốn được khách thể hoá thành hình tượng “khách xa” trong khổ thơ này. – Đề xuất phương án sửa: Bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử kết lại bằng hình ảnh người phụ nữ nhọc nhằn gánh thóc trên bãi cát trắng. <i>h. Hình ảnh hoa triêu nhan vương dãy gài khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất ư bất ngờ.</i> – Lỗi dùng từ không đúng phong cách khi đem ngôn ngữ nói có tính chất suồng sã, chưa chuẩn mực vào trong văn viết.
--	---

	– Đề xuất phương án sửa: Hình ảnh hoa triêu nhan vương dây gầu khiến nhân vật trữ tình trong bài thơ của Chi-ô rất bất ngờ. Bài tập 2: Trường hợp nào dưới đây được xem là mắc lỗi về trật tự từ? Hãy đưa ra cách sửa lỗi cho trường hợp ấy. <i>a. Một bộ phận độc giả đông đảo đã không cảm nhận được cái mới ngay trong thơ Hàn Mặc Tử.</i> – Vị trí của từ ngay được đặt chưa hợp lí khiến người đọc có thể hiểu sai. Dựa vào những hiểu biết về văn học sử thì ý mà câu văn cần truyền đạt là thơ Hàn Mặc Tử có nhiều cái mới khiến nhiều độc giả không thể ngay lập tức cảm thụ được. Mặt khác, từ đông đảo cũng có thể đặt trước từ độc giả để nhấn mạnh hơn sự thách thức của cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử đối với công chúng. – Đề xuất phương án sửa: Một bộ phận đông đảo độc giả đã không cảm nhận ngay được cái mới trong thơ Hàn Mặc Tử. <i>b. Là thể thơ ngắn nhất thế giới, hai-cư được xem như một “đặc sản” của văn chương Nhật Bản.</i> Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ. <i>c. Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch sự kiện hơn là mạch cảm xúc của bài thơ.</i> – Ở đây, lỗi trật tự từ, về bản chất, là lỗi kiến thức khi người viết không hiểu đúng bản chất của thơ trữ tình vốn nhấn mạnh cảm xúc hơn là sự kiện. – Đề xuất phương án sửa: Nói chung, người đọc thơ trữ tình cần quan tâm đến mạch cảm xúc hơn là mạch sự kiện của bài thơ. <i>d. Rất nhiều hình ảnh đời thường xuất hiện trong thơ hai-cư Nhật Bản.</i> Câu văn không mắc lỗi về trật tự từ. <i>e. Thơ Đường luật mặc dù chặt chẽ bố cục nhưng vẫn có những khoảng trống liên tưởng khơi gợi.</i> – Các từ ngữ chưa được đặt đúng vị trí theo quan hệ ngữ pháp, cặp quan hệ từ “mặc dù... nhưng” cũng có thể được sắp đặt lại để câu văn gọn và sáng ý hơn. – Đề xuất phương án sửa: Mặc dù bố cục thơ Đường luật chặt chẽ nhưng vẫn có những khoảng trống khơi gợi liên tưởng. <i>g. Điều làm thích thú người đọc ở bài thơ này là cách độc đáo gieo vần.</i> – Trật tự từ chưa hợp lí xét theo nguyên tắc ngữ pháp.
--	--

	– Đề xuất phương án sửa: Điều làm người đọc thích thú ở bài thơ này là cách gieo vần độc đáo. <i>h. Trong bài thơ “Tiếng thu”, đóng vai trò quan trọng là các từ láy tượng thanh.</i> – Về hình thức, câu này có thể xét là không có lỗi trật tự từ. Tuy nhiên, cũng có thể sắp xếp lại trật tự từ trong câu để câu văn trở nên chín chu, chuẩn mực hơn. – Đề xuất phương án sửa: Trong bài thơ “Tiếng thu”, các từ láy tượng thanh đóng vai trò quan trọng. <i>i. Nhà thơ cho phép thơ lãng mạn giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.</i> – Thơ lãng mạn là một trào lưu văn học bao trùm lên các nhà thơ, vì thế viết như câu trong bài là ngược về logic. – Đề xuất phương án sửa: Thơ lãng mạn cho phép nhà thơ giải phóng cảm xúc của mình một cách rất phóng khoáng.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ phát hiện và sửa các lỗi dùng từ trong đoạn văn viết kết nối đọc đã thực hiện b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học để sửa bài làm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành sửa lỗi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS và GV dựa vào bài viết đã thực hiện để thực hành
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh thực hành sửa lỗi dùng từ và trật tự từ để tạo lập và sửa lỗi sai văn bản b. Nội dung thực hiện: HS sưu tầm các trường hợp vi phạm lỗi dùng từ và trật tự từ trong văn bản báo chí	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS Tham khảo bài viết trong phụ lục

Phụ lục sưu tầm một số nội dung về sửa lỗi dùng từ và trật tự từ trong văn bản báo chí

1. Lỗi viết tắt và viết không đúng chuẩn tiếng Việt

“Theo Trung tâm dự báo khí tượng Thủy văn **TU**...” (Kiên quyết xử lý nếu trồng cây "nguyên bầu" là sai quy trình- Báo Hànộimới, ngày 16/6/2015).

Đáng ra, Trung ương phải viết tắt là **TW** (như trong các văn kiện Đảng) hoặc **T.U** (có dấu chấm ở giữa), còn nếu viết tắt là **TU** thì rất dễ hiểu lầm.

Rồi nữa, ngay cái tên **Hànộimới** của tờ báo này cũng không viết đúng chuẩn tiếng Việt. **Hà Nội** là danh từ riêng phải viết hoa tất cả các chữ cái ở đầu các âm tiết. Và, các âm tiết trong từ và cụm từ phải được tách rời nhau. Viết **Hànộimới** là làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt, nhất là một tờ báo của Thủ đô ngàn năm văn hiến.

2. Lỗi viết câu không đúng hoặc không chấm câu

Vẫn trong bài *Kiên quyết xử lý nếu trồng cây "nguyên bầu" là sai quy trình* (Báo Hànộimới, ngày 16/6/2015), bài báo có tới 5 câu không có dấu chấm câu ở cuối câu, cuối đoạn. Bài báo *Nguyên Phó BTC Quận ủy Cầu Giấy lĩnh án 12 năm tù trên tờ Petrotimes* lại có câu “**Người bị truy tố về tội không tố giác tội phạm**”. Thực ra, đây chưa phải là câu hoàn chỉnh theo chuẩn tiếng Việt, vì câu này thiếu vị ngữ; cụm từ “**bị truy tố về tội không tố giác tội phạm**” mới chỉ là định ngữ cho danh từ “**người**” chứ chưa thể là vị ngữ của câu. Có thể người viết định diễn đạt theo ý đây là thành phần chủ thích cho câu trước đó “Trước khi tuyên án, Hội đồng xét xử tập trung làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Văn (Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại tổng hợp và kinh doanh bất động sản)”, nhưng khi viết, đáng lẽ ra phải dùng dấu phẩy thì lại dùng dấu chấm để tách câu dẫn đến sai ngữ pháp.

3. Lỗi dùng từ sai

Đây là một lỗi gặp khá nhiều trên báo chí nói chung và báo điện tử nói riêng. Trước đây, tác giả Nguyễn Đình San (trên tạp chí *Tuyên giáo*) và nhà báo Nguyễn Thông (trên tạp chí *Người làm báo*) cũng đã chỉ ra các lỗi về dùng từ sai trên báo chí. Nhưng, hiện nay, các lỗi về dùng từ trên báo chí vẫn còn tương đối nhiều.

Tôi xin được đưa ra một số trường hợp cụ thể: “Sau khi kết thúc Đại hội điểm Ban Thường vụ tổ chức họp đánh giá, **rút kinh nghiệm phát huy** những việc làm tốt, chỉ ra những **tồn tại** cần khắc phục để rút kinh nghiệm cho các chi bộ, đảng bộ đại hội sau” (Tạo sự đồng thuận trong toàn Đảng bộ - báo Hànộimới, ngày 17/6/2015).

Người đọc có thể thắc mắc, không hiểu “**rút kinh nghiệm phát huy**” là gì, “**tồn tại**” là gì? Hóa ra, người viết quên (?) đánh dấu phẩy sau từ “**kinh nghiệm**” nên đã tạo thành một cụm từ lạ, khó hiểu là “**rút kinh nghiệm phát huy**”; còn “**tồn tại**” là cái đang có, cái còn lại thì tác giả lại dùng theo nghĩa là hạn chế, nhược điểm.

Trên báo *Trí Thức Trẻ*, ngày 14/6/2015, trong bài *Cuộc sống ở thuê dù gia thế giàu có của hot girl Thủy Top* lại có câu “Dù lớn lên trong một gia đình **tri thức**, giàu có nhưng Thủy Top chưa bao giờ lấy điều đó để khoe khoang, đánh bóng tên tuổi”. **Trí thức** có nghĩa khác **tri thức**. Trường hợp này phải dùng từ “**gia đình trí thức**” mới đúng phải không, thưa Ban biên tập Trí Thức Trẻ?

Báo *Việt Nam Net* (vietnamnet.vn), ngày 14/6/2015, trong bài *Thót tim kể chuyện đông lốc khiến Hà Nội tan hoang*, có câu “**Khiếp sợ nhất vẫn là những người dân lưu hành trên đường lúc cơn dông xảy ra**”. Đề mô tả ai đó, vật nào đó đang đi trên đường thì người ta dùng từ “**lưu thông**” chứ không dùng từ “**lưu hành**” (đưa ra sử dụng rộng rãi).

Chưa kể, câu này còn mắc lỗi diễn đạt, dễ gây hiểu lầm. Chắc tác giả định diễn đạt ý “**Ai khiếp sợ?**”, nhưng viết như vậy, vô hình trung lại thành ra ý “**Khiếp sợ ai?**”.

Chúng ta thử so sánh câu trên với câu cùng cấu trúc sau “**Khiếp sợ nhất vẫn là những kẻ đòi thuốc trên đường đi kiếm cơm đen**”. Do đó, câu trên có thể được hiểu là **những người đi trên đường**

trong cơn đông là khiếp sợ nhất! Vậy, câu đó phải diễn đạt lại là “ **Cảm giác khiếp sợ vẫn còn chưa tan trong lòng những người đi trên đường lúc cơn đông xảy ra**”.

Vẫn trên Việt Nam Nét (dẫn theo Trí Thức Trẻ), ngày 9/6/2015, trong bài *Lệ Roi phản pháo Đàm Vĩnh Hưng*, có câu “ Mỗi người có một **yếu điểm** khác nhau và cái tài, cái duyên khác nhau”. Ở đây, đáng lẽ dùng từ “**điểm yếu**” (hạn chế, nhược điểm, mặt yếu) thì tác giả lại dùng từ “**yếu điểm**” (điểm chính, điểm trọng yếu).

Bài Hậu trường “*bay show xác thịt*” gái chân dài (báo Việt Nam Nét, ngày 14/6/2015) dùng từ “**khuyến mại**” để diễn đạt ý “khuyến khích mua hàng” trong câu ““Gói hẹn hò” giá 700 ngàn được nắm tay bạn gái đi dạo phố và phải khuyến mại thêm một món quà”. “**Khuyến mại**” là khuyến khích bán hàng, còn “**khuyến mãi**” mới là khuyến khích mua hàng.

4. Lỗi dùng thừa từ, thiếu từ, sai kết hợp từ

Bài Nữ tiểu thư nổi tiếng nhà đại gia bậc nhất Việt Nam (báo Việt Nam Nét, ngày 20/2/2015) có câu “ **Ái nữ** Trần Thị Quỳnh Ngọc là **con gái** của doanh nhân quá cố Trần Văn Cường và Chủ tịch đương nhiệm tập đoàn Nam Cường Lê Thị Thúy Nga ”.

Ái nữ đã có nghĩa người con gái yêu quý rồi, sao lại cùng dùng thêm một từ **con gái** nữa cho rườm rà, tối nghĩa ? Câu trên chỉ cần viết “ **Ái nữ** Trần Thị Quỳnh Ngọc của doanh nhân quá cố Trần Văn Cường và Chủ tịch đương nhiệm tập đoàn Nam Cường Lê Thị Thúy Nga ”.

Rồi cái tiêu đề bài báo, “ *Nữ tiểu thư...*”, có cần thiết phải thêm “**nữ**” vào trước từ “**tiểu thư**” không, khi mà từ “**tiểu thư**” đã bao hàm nghĩa con gái rồi ?

Lạ lùng hơn nữa, tiêu đề bài báo là thế, vậy mà cuối bài lại kể về 2 chàng trai là Đặng Hồng Anh và Đoàn Quốc Huy. Chẳng lẽ họ cũng là “ **nữ tiểu thư**” ư ? Đã 2 lần tôi đã góp ý phản hồi dưới bài báo về những lỗi này, nhưng rất tiếc là không được ban biên tập chỉnh sửa. Bài “Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn” (Báo Dân trí, ngày 19/5/2015) có vài lỗi về dùng từ thừa như: “...**Việt kiều ở nước ngoài về**”, “ **Không phải ai cũng nhìn rõ hết sự hy sinh âm thầm, lặng lẽ của những người làm cha, làm mẹ...**”. **Việt kiều** là người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài nên câu trên chỉ cần viết “**Việt kiều về nước...**” ; còn **âm thầm** và **lặng lẽ** là hai từ đồng nghĩa, chỉ cần dùng một trong hai từ đó là đủ.

Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13/6/2015, trong bài *Thông tin mới vụ CSCĐ túm cổ áo người dân*, có câu “ Sau khi **xác minh làm rõ**, nếu xác định lỗi sai của hai CSCĐ thì công an thành phố sẽ tổ chức gặp gỡ và có xin lỗi”. “**Xác minh**” và “**làm rõ**” có nghĩa tương đương nhau, vậy chỉ cần dùng “**xác minh**” là đủ. Đây cũng là lỗi về từ hay gặp trong các tin về pháp luật trên các báo.

Bài Hậu trường “*bay show xác thịt*” gái chân dài (báo Việt Nam Nét, ngày 14/6/2015) có câu “ Có nhiều người mẫu bán thân, hay nói thẳng ra là **đi làm gái**”.

Đây là lỗi thiếu từ, nên làm cho câu văn tối nghĩa, khó hiểu. Đáng lẽ ra, tác giả phải viết rõ “ đi làm gái gì ?”, ví dụ: đi làm gái bán dâm (gái bao, gái bán hoa) thì người đọc mới hiểu rõ nghĩa và mới chuẩn câu tiếng Việt.

Lỗi này còn thấy trong bài *Người tình của chồng ngang nhiên sinh con thách thức* (vẫn trên báo Việt Nam Nét, ngày 14/6/2015) với câu “ Sau hỏi thì chồng mình bảo là cô ta chê quê nghèo nên lên thành phố **làm gái** và họ cắt đứt mối quan hệ tại đây”.

Câu chú thích một ảnh trong bài Hà Nội: Nhà kỳ dị 'làm đẹp' đường đất nhất hành tinh (báo Việt Nam Nét, ngày 14/6/2015) lại dùng sai kết hợp từ và diễn đạt câu không rõ nghĩa “ Ngôi nhà này đang bỏ không chỉ che chắn bằng tấm bạt đã rách rưới”.

Thứ nhất là phải thêm dấu phẩy sau từ “**không**” và thêm từ “**được**” sau từ “**chỉ**”. Thứ hai là phải sửa cách dùng từ, hoặc bỏ từ “**đã**” hoặc bỏ tiếng “**rưới**”, vì không có kiểu kết hợp “**đã rách rưới**”.

5. Lỗi chính tả

Các từ ngữ hay sai chính tả trên báo chí là: vô hình chung (đúng ra là vô hình trung), sáng lạn (xán lạn), cộ sát (cộ sát), thăm quan (tham quan), sơ xuất (sơ suất).

Ngoài ra, còn một số từ khác: “*Hồng Quân có thể **truyền** (từ đúng là **chuyên**) ngược trở lại cho đồng đội của anh đang băng lên dứt điểm*” (Hồng Quân bỏ lỡ bao nhiêu cơ hội xé lưới U23 Myanmar? , báo Dân trí, ngày 14/6/2015); “*...**chủ** tịch Hồ Chí Minh ...*” (3 lần trong bài không viết hoa chữ **Chủ**, bài “*Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn*”, báo Dân trí, ngày 19/5/2015); “*Giữa cầu, bốn chiếc ô tô 1 eurospace, 1 chiếc 16 chỗ, 1 sedan, 1 bán tải nằm **dúm dỏ** (đúng ra phải là **rúm ró**), trước đó là một cột đèn nằm ngang giữa đường*” (Thót tim kể chuyện đông lóc khiến Hà Nội tan hoang, báo Việt Nam Net, ngày 14/6/2015).

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

**TUẦN 7: TIẾT 19,20. VIẾT
VĂN BẢN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ
MỘT TÁC PHẨM THƠ**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh giới thiệu** được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)
- ❖ **Học sinh chỉ ra và phân tích** được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...)
- ❖ **Học sinh đánh giá** giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

2. Về năng lực: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ

3. Về phẩm chất: Yêu thơ ca, trân trọng vẻ đẹp cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV phát vấn: Phân biệt hai nội dung: Cảm nhận về tác phẩm thơ ca và bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ ca?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án Kiểu bài viết nghị luận về một tác phẩm thơ ca yêu cầu người viết phải có những lập luận chặt chẽ, đồng thời cần có những tri thức về đặc trưng thơ ca. Nhưng không phải chỉ dừng ở kiến thức lí luận khô cứng mà đòi hỏi người viết cần hòa quyện, kết hợp những rung cảm tinh tế của bản thân trong bài viết.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá) ❖ Học sinh chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,...) ❖ Học sinh đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh. b. Nội dung thực hiện:	

❖ Học sinh đọc văn bản “Những điều xanh của mùa xuân” và thực hiện trả lời các câu hỏi trong sgk ❖ Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong sgk - Giáo viên yêu cầu HS ghi lại các lưu ý khi làm bài Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh hoàn thành phiếu bài tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	• Học sinh hoàn thiện câu hỏi trong sgk 1. Bài viết tham khảo cảm nhận và phân tích bài thơ Mùa xuân xanh (Nguyễn Bính) vừa theo tuyến hình ảnh trải dọc bài thơ, vừa theo trình tự câu thơ, khổ thơ. Cách cảm nhận và phân tích đó có những ưu thế gì nổi bật? Ưu điểm của cách cảm nhận và phân tích thơ vừa theo tuyến hình ảnh trải dọc bài thơ, vừa theo trình tự câu thơ, khổ thơ: - Cách cảm nhận và phân tích này chỉ ra được các hình ảnh nổi bật trong bài thơ từ đó đánh giá và nhận xét được suy nghĩ, quan niệm của tác giả một cách chính xác nhất. - Cách cảm nhận và phân tích này thể hiện được rõ ràng mạch cảm xúc của bài thơ, phân tích bài thơ theo từng câu, từng khổ thơ một cách rõ ràng và mạch lạc để người đọc có thể dễ dàng hiểu được nội dung bài thơ từ đầu đến cuối. - Với bài thơ Mùa xuân xanh, cách cảm nhận này không chỉ làm nổi bật được nội dung bài thơ, phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong từng câu thơ, khổ thơ; mà còn nhấn mạnh được các chi tiết, hình ảnh quan trọng trong bài thơ. ➔ Cách cảm nhận và phân tích vừa theo tuyến hình ảnh dọc bài thơ vừa theo trình tự câu thơ, khổ thơ giúp người đọc cảm nhận bài thơ một cách dễ hơn, rõ ràng hơn và không bị bỏ quên một chi tiết nào của bài thơ. 2. Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ, thực chất của việc phân tích chủ đề là gì? Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ, thực chất của việc phân tích chủ đề là việc phân tích, nêu cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ đó. Phân tích chủ đề để làm nổi bật lên nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ đồng thời nhận xét và đánh giá quan niệm của tác giả qua bài thơ đó. 3. Người viết đã đánh giá bài thơ như thế nào? Nêu nhận xét khái quát về tính thuyết phục của đánh giá đó. - Người viết đã đánh giá bài thơ là bài thơ giản dị mà vẫn làm toát lên sức sống phơi phới của vạn vật lúc xuân về. Nó là bài thơ của niềm vui sống, của sự

	chan hòa giữa con người với tạo vật, là khúc dạo đầu của tình yêu lứa đôi. - Về tính thuyết phục của đánh giá trên: + Người viết đã phân tích từng câu thơ, từng hình ảnh trong bài thơ để làm nổi bật giá trị nội dung của bài thơ. + Người viết cũng nêu và phân tích được các biện pháp nghệ thuật tu từ trong bài thơ và nhận xét được phong cách nghệ thuật của tác giả. + Ngoài ra, người viết cũng sử dụng một số câu thơ, bài thơ cùng chủ đề để so sánh và đánh giá. ➔ Đánh giá của người viết với bài thơ đã có đủ sức thuyết phục người đọc, có những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng xác đáng, làm nổi bật được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. • Một số lưu ý khi làm bài viết Chuẩn bị viết ▪ Lựa chọn bài thơ được phân tích, đánh giá ▪ Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan Tìm ý và lập dàn ý ▪ Đọc lại bài thơ đã chọn ▪ Thử liên kết các hình thức đặc biệt (âm điệu, nhịp, hình ảnh, ngôn ngữ,...) ▪ Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, chú ý các bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội ▪ Vận dụng các thao tác so sánh, liên tưởng, thống kê phân tích một cách hợp lí ▪ Đánh giá bài thơ cần đánh giá cả hình thức nghệ thuật và nội dung mang tính nhân văn của bài thơ Lập dàn ý ▪ <i>Mở bài</i>: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ và mạch cảm xúc chính ▪ <i>Thân bài</i>: Mạch ý tưởng cảm xúc, sự phát triển của các hình tượng chính, nét hấp dẫn riêng của bài thơ ▪ <i>Kết bài</i>: Khẳng định giá trị tư tưởng và thẩm mĩ của bài thơ Viết Chú ý diễn đạt, hình ảnh, chú ý dẫn các dòng thơ, khổ thơ, nối chuyển Hoàn thiện Đọc lại và chỉnh sửa bài viết, đối chiếu với các yêu cầu khác của đề bài. Đồng thời chỉnh sửa các lỗi về chính tả và ngữ pháp
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP	

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubric chấm	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Dàn ý tham khảo (Gợi ý ở phần phụ lục)
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh hoàn thiện bài viết và liên hệ với các vấn đề về tư tưởng sâu sắc trong bài viết b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Dàn ý bài viết

Viết văn bản nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ.

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Đỗ Phủ: là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc với những vần thơ phản ánh hiện thực và bày tỏ cảm xúc, thái độ, tâm trạng đau khổ trước hiện thực đời sống của nhân dân trong chiến tranh, trong nạn đói chan chứa tình yêu nước và tinh thần nhân đạo.
- Giới thiệu khái quát bài thơ Thu hứng (Cảm xúc mùa thu): Cảm xúc mùa thu là bài thơ đầu tiên trong chùm 8 bài thơ Thu hứng của Đỗ Phủ thể hiện nỗi lòng của nhà thơ với quê hương, đất nước.

2. Thân bài

a) Bốn câu đầu: Cảnh thu

*** Hai câu đề:**

- Hình ảnh thơ cổ điển, là những hình ảnh được dùng để miêu tả mùa thu ở Trung Quốc: “ngọc lộ”, “phong thụ lâm”
- “Vu sơn Vu giáp”: tên những địa danh nổi tiếng ở vùng Quý Châu, Trung Quốc, vào mùa thu, khí trời âm u, mù mịt.
- “Khí tiêu sâm”: hơi thu hiu hắt, âm đạm.

*** Hai câu thực:**

- Hình ảnh đối lập, phóng đại: sóng – vọt lên tận trời (thấp – cao), mây – sa sầm xuống mặt đất (cao – thấp), qua đó không gian được mở rộng ra nhiều chiều:
- + Tầng xa: là ở giữa dòng sông thăm thẳm là “sóng vọt lên tận lưng trời”
- + Tầng cao: Là miền quan ải với hình ảnh mây sa sầm giáp mặt đất.
- + Tầng rộng: mặt đất, bầu trời, dòng sông đều cho ta hình dung về không gian rộng lớn.
- Hình ảnh đối lập, phóng đại: sóng – vọt lên tận trời (thấp – cao), mây – sa sầm xuống mặt đất (cao – thấp)
- + Bốn câu thơ vẽ nên bức tranh mùa thu xơ xác, tiêu điều, hoành tráng, dữ dội.
- + Tâm trạng buồn lo và sự bất an của nhà thơ trước hiện thực tiêu điều, âm u.

b) Bốn câu sau: Tình thu

*** Hai câu luận:**

- Hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng:
- + Hoa cúc: hình ảnh ước lệ chỉ mùa thu
- + Khóm cúc đã hai lần nở hoa: Có hai cách hiểu khóm cúc nở ra làm rơi giọt nước mắt, khóm cúc nở ra giọt nước mắt.
- + “Cô phàm”: là phương tiện đưa tác giả trở về “cố viên”, đồng thời gợi thân phận lẻ loi, cô đơn, trôi nổi của tác giả.
- Cách sử dụng từ ngữ độc đáo, hàm súc, cô đọng:
- + “Lường khai”: Nỗi buồn lưu cữu trải dài từ quá khứ đến hiện tại
- + “Nhất hệ”: Dây buộc thuyền cũng là sợi dây buộc mối tình nhà của tác giả.

+ “Cố viên tâm”: Tâm lòng hướng về quê cũ. Thân phận của kẻ tha hương, li hương luôn khiến lòng nhà thơ thất lại vì nỗi nhớ quê

Hai câu thơ diễn tả nỗi lòng da diết, dồn nén nỗi nhớ quê hương của tác giả.

*** Hai câu kết**

- Hình ảnh:
- + Mọi người nhộn nhịp may áo rét
- + Giặt áo rét chuẩn bị cho mùa đông
- Âm thanh: tiếng chày đập vải
- Âm thanh báo hiệu mùa đông đến, đồng thời đó là âm thanh của tiếng lòng, diễn tả sự thốn thức, mong ngóng, chờ đợi ngày được trở về quê.
- Bốn câu thơ diễn tả nỗi buồn của người xa quê, ngậm ngùi, mong ngóng ngày trở về quê hương.

3. Kết bài: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Phụ lục 2. Bài viết tham khảo

Đỗ Phủ là nhà thơ hiện thực vĩ đại của Trung Quốc với những vần thơ phản ánh hiện thực và bày tỏ cảm xúc, thái độ, tâm trạng đau khổ trước hiện thực đời sống của nhân dân trong chiến tranh, trong nạn đói chan chứa tình yêu nước và tinh thần nhân đạo. Trong những bài thơ đặc sắc có bài Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) là bài thơ thứ nhất trong chùm thơ tám bài được Đỗ Phủ sáng tác năm 766, khi đang sống phiêu dạt ở Quý Châu. Thu hứng (Cảm xúc mùa thu) vừa là bức tranh mùa thu ảm đạm, hắt hiu, vừa là bức tranh tâm trạng trĩu nặng u sầu của nhà thơ trong cảnh loạn li; lo cho tình hình đất nước đang lâm vào cảnh rối ren, loạn lạc; thương nhớ quê hương xa xôi và ngậm ngùi xót xa cho thân phận bất hạnh của mình nơi đất khách.

Phiên âm chữ Hán:

Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,

Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.

Giang gian ba lãng kiêu thiên dũng

Tái thượng phong vân tiếp địa âm.

*Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xú xú thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.*

Trong bài thơ, bốn câu đầu là "câu đề" với mục đích miêu tả bức tranh thiên nhiên bao la nhưng mang nỗi buồn hiu hắt ở vùng rừng núi thượng nguồn Trường Giang:

*Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm,
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm,*

Người đọc có thể nhận thấy Đỗ Phủ đứng ở vị trí tương đối cao để ngắm nhìn toàn cảnh, vì thế mà tầm nhìn của ông khá xa, khá rộng. Mọi thứ được miêu tả không những theo chiều sâu và còn theo tầm mắt của tác giả, nhìn về phía xa xăm. Khả năng quan sát tinh tế của Đỗ Phủ được thể hiện ngay từ câu thơ đầu khi tả cảnh rừng phong với sương còn phủ trên lá cây; nó tạo ra một cảnh tượng buồn, đặc biệt hình ảnh rừng phong lại càng nhấn mạnh thêm sự li biệt khi lá phong chuyển sang đỏ, khi mùa thu đến. Trong thơ cổ Trung Hoa, hình ảnh rừng phong gắn liền với mùa thu bởi mỗi độ thu về, cả rừng phong chuyển sang màu đỏ ủa, tượng trưng cho sự li biệt. Sương móc cũng tượng trưng cho mùa thu, cho sự lạnh lẽo. Sương móc sa dày đặc làm xơ xác cả rừng phong. Nét tiêu điều của cảnh vật hiện lên rất rõ qua chính cái nhìn đầy tâm trạng đau buồn của nhà thơ.

Câu thơ thứ hai có nhắc đến hình ảnh Vu sơn, Vu giáp, người đọc sẽ nghĩ ngay tới hình ảnh đặc trưng của đất Ba Thục xưa kia – nơi toàn cảnh bị bao trùm trong hơi thu hiu hắt. Trong bài thơ, Vu sơn, Vu giáp tức là núi Vu, hẻm Vu nổi tiếng bởi sự hiểm trở và hùng vĩ, được nhắc đến nhiều trong thần thoại, cổ tích và thơ ca Trung Quốc. Quanh năm, mây mù bao phủ những ngọn núi cao vút; vách núi thì dựng đứng vậy nên ánh mặt trời khó có thể lọt được xuống tới lòng sông. Chính vì vậy mà vào mùa thu, khung cảnh nơi đây luôn âm đạm, lạnh lẽo và qua ngòi bút miêu tả thấm đẫm tâm trạng u sầu của Đỗ Phủ nó lại hiện lên càng thêm tối tăm, âm đạm.

Hai câu thơ mở đầu, câu thứ nhất tả cảnh thu ở rừng phong, câu thứ hai tả cảnh thu ở núi non. Tuy cảnh vật khác nhau nhưng nhà thơ nhìn chúng với con mắt và tâm trạng giống nhau – tâm trạng trĩu nặng một nỗi buồn thương. Hai câu thơ tuy là đều là hình ảnh rừng núi nhưng lại chung một điểm, đó chính là nỗi buồn đang dần ngấm vào tác giả, nỗi buồn ấy chế ngự cả tâm trạng và cảm xúc của tác giả khi ông đặt bút ngâm thơ.

Cũng với tâm trạng như vậy, Đỗ Phủ đã viết nên những câu thơ tiếp theo mang nét tả thực đầy ám ảnh, như có ma lực cuốn hút hồn người:

*Giang gian ba lãng kiêu thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.*

Nếu như ở hai câu mở đầu là hình ảnh của rừng phong, là sự quan sát từ trên cao xuống thì hai câu tiếp theo lại miêu tả cảnh sắc vừa hoành tráng lại dữ dội. Hai câu đề là cảnh thu trên cao (rừng phong, dãy núi) thì đến hai câu thực là cảnh thu dưới thấp. Hai cặp câu như bổ sung cho nhau lột tả được hai nét đặc sắc của phong cảnh vùng Vu sơn Vu giáp vừa âm u, vừa hùng vĩ. Chúng vẫn là những chi tiết được cảm nhận qua đôi mắt thi nhân và được miêu tả bằng ngôn bút kì tài mà thành những vần thơ trác tuyệt. Hình ảnh mặt đất mây đùn cửa ải xa tả thực cảnh mây trắng sà xuống thấp đến mức tưởng chừng như đùn từ dưới mặt đất lên, che lấp cả cửa ải phía xa xa. Bốn câu thơ tuy tả cùng một cảnh nhưng ở mỗi câu là một nét chấm phá riêng, là sự nhìn nhận toàn cảnh chứ không tập trung vào một điểm cụ thể nào. Cảnh sắc trời mây non nước, rừng núi hiện ra vừa cụ thể lại vừa đặc trưng cho mùa thu. Nhưng chính hình ảnh này, lại khiến tác giả nhớ quê hương tới nao lòng.

Ở bốn câu thơ sau, Đỗ Phủ bày tỏ lòng mình trước cảnh mùa thu nơi đất khách. Câu năm và câu sáu có nghệ thuật đối rất chỉnh vừa là cảnh thu mà cũng là tình thu:

*Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xú xú thôi đao xích,*

Bạch Đệ thành cao cấp mộ châm.

Giống như hình ảnh rừng phong gắn liền với mùa thu, hình ảnh hoa cúc cũng đi đôi với mùa thu. Đỗ Phủ nhắc đến hoa cúc, tưởng như không có gì mới nhưng điều quan trọng là mỗi lần thấy cúc nở hoa, nhà thơ lại rơi lệ. Hai lần nhìn cúc nở hoa, có nghĩa là đã hai năm Đỗ Phủ sống ở Quý Châu. Hoa cúc xui lòng thi nhân ngậm ngùi nhớ lại những mùa thu trước chốn quê cũ, vì vậy mà càng thêm xao xuyến, xúc động đến nghẹn ngào. Hình ảnh chiếc thuyền lẻ loi (cô chu) là một hình ảnh ẩn dụ đầy ý nghĩa, không chỉ vì tính chất trôi nổi, đơn độc của nó mà còn vì nó là phương tiện duy nhất để chờ ước vọng của nhà thơ về với quê hương trong tâm tưởng.

Đến hai câu cuối bỗng đột ngột nổi lên âm thanh dồn dập của tiếng chày đập vải trên bến sông, trong bóng hoàng hôn. Âm thanh duy nhất này đã đem đến cho bức tranh sinh hoạt nơi biên ải xa xôi một thoáng vui nhưng thoáng vui ấy vẫn không đủ để xua đi những áng mây buồn đang vây phủ trong tâm hồn thi sĩ. Âm thanh của mùa thu may áo vừa kết thúc bài thơ, vừa mở ra nỗi buồn nhớ mênh mang, mong ngóng, chờ đợi ngày được trở về quê của tác giả.

Bốn câu cuối tập trung vào miêu tả cảm xúc cũng là những vần thơ chứa đựng nhiều tình cảm, đó là lòng mong ngóng quê nhà, nỗi khát khao được trở về quê hương, tình yêu và sự buồn bã khi phải sống tha phương. Bốn câu thơ diễn tả nỗi buồn của người xa quê, ngậm ngùi, mong ngóng ngày trở về quê hương.

Đặc điểm nghệ thuật của bài thơ là có kết cấu hết sức chặt chẽ, câu nào cũng bám chặt chủ đề, tức là các câu đều thể hiện được hai yếu tố “cảm xúc” và “mùa thu”, vừa tả cảnh vừa chứa tâm trạng. Cảnh có sương thu, rừng thu, sắc thu, khí thu, gió thu, sông thu, hoa thu, tiếng thu (tiếng chày đập vải). Tác giả đã thành công thu tóm được tất cả thần thái của mùa thu trong bài thơ.

Cảm xúc mùa thu là bài thơ mang đậm dấu ấn phong cách thơ trữ tình của Đỗ Phủ. Qua bài thơ ta thấy được một tâm hồn thi sĩ vừa nhạy cảm lại rung động mãnh liệt với cảnh sắc. Trái tim Đỗ Phủ đã dành trọn cho quê hương, cũng qua bài thơ, cái tư tưởng "yêu nước thương đời" lại càng thể hiện rõ. Với Đỗ Phủ, mùa thu đồng nghĩa với nỗi buồn và niềm thương nhớ không nguôi, nhất là khi ông đang phải sống trong cảnh nghèo khổ, bệnh tật, cô đơn nơi xứ lạ. Những vần thơ của ông có sức lay động mãnh liệt, đặc biệt những vần thơ như bật lên khỏi trang giấy, mở ra một khung cảnh rất rõ... Ông xứng đáng được người đời tôn vinh là bậc “Thi thánh” của thời Thịnh Đường mà tên tuổi lưu danh muôn thuở.

Phụ lục 3. Rubric chấm bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	3 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TUẦN 7; TIẾT 21: NGHE - NÓI

GIỚI THIỆU ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA MỘT TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh cung cấp** được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,....
- ❖ **Học sinh làm rõ** được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ
- ❖ **Học sinh nêu** được quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mọi người thảo luận xa hơn
- ❖ **Học sinh thể hiện** được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để thực hành nghe, nói

3. Về phẩm chất: Rút ra các bài học về vấn đề công dân số, công dân toàn cầu

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV hỏi: Theo con, khi thuyết trình cần lưu ý điều gì? ❖ HS suy nghĩ và trả lời	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án – Nắm được đặc trưng của kiểu bài thuyết trình. – Biết cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ràng ý kiến cá nhân về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ. – Biết điều tiết giọng nói và ngôn ngữ cơ thể, kết hợp nhịp nhàng với các thao tác trình chiếu (trong điều kiện có thể) để truyền đạt thông tin đến người nghe.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,....	

❖ Học sinh làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ ❖ Học sinh nêu được quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mọi người thảo luận xa hơn ❖ Học sinh thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh nhắc lại những yêu cầu khi thực hành nghe nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Giáo viên hỏi: Khi nghe nói cần có những lưu ý gì? - HS tiến hành lập dàn ý và tập luyện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên nhận xét bài nói theo rubic đánh giá	Chuẩn bị nói và nghe - Lựa chọn đề tài bài nói - Tìm ý và sắp xếp ý: Xem lại hệ thống luận điểm, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân được trình bày trong bài thơ - Xác định từ ngữ then chốt để làm rõ quan điểm được sử dụng trong bài viết và trình bày trong bài nghe nói - Phương tiện hỗ trợ: Powerpoint, âm thanh, hình ảnh,... - Người nghe: Tìm hiểu trước vấn đề, lắng nghe bằng một thái độ tích cực, sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề Thực hành nói và nghe Người nói <i>Mở đầu:</i> Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ hoặc cách dẫn dắt tùy chọn để tạo sự hứng thú cho người nghe <i>Thân bài:</i> Lần lượt trình bày các thông tin trong bài nói. Nhấn mạnh các thao tác mình đã sử dụng để tìm hiểu về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. <i>Kết bài:</i> Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện về hình thức và nội dung. Có thể khuyến khích người đọc tìm tòi và phát hiện thêm các góc nhìn khác về bài thơ. Người nghe: Lắng nghe tôn trọng, ghi lại ý chính và chú ý hơn về phong thái Trao đổi Người nghe - Chia sẻ quan điểm, đưa ra những góc nhìn khác về bài thơ - Đưa ra những góp ý, thắc mắc - Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề Người nói - Trả lời thắc mắc - Thể hiện thái độ lắng nghe chân thành - Tự đánh giá phần trình bày - Phản hồi và trao đổi với thái độ lắng nghe và cầu thị.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh thực hành lập dàn ý và trình bày bài nói b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói theo rubic nghe và nói	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành lập dàn ý và chuẩn bị Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Lập dàn ý bài nghe nói: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ Chuẩn bị nói * Đề tài: Giới thiệu bài thơ Mùa xuân chín của Hàn Mặc Tử. * Tìm ý và sắp xếp: - Bài thơ là một bức tranh mùa xuân nơi thôn dã, tất cả đều đậm về xuân, xuân trong cảnh vật và xuân trong lòng người. - Dấu hiệu báo xuân sang: Làn nắng ửng; Khói mơ; Mái nhà tranh bên giàn thiên lý □ Thanh tĩnh, bình dị, duyên dáng mà đậm thắm yêu thương. - Cảnh vật thôn quê đậm hơi xuân: Làn mưa xuân tưới thêm sức sống; Cỏ cây xanh tươi "gợn tới trời"; Niềm vui của con người khi xuân đến. - Ngôn ngữ kết tinh với tâm lòng hồn hậu của thi nhân, Hàn Mặc Tử đã viết nên một "mùa xuân chín" vẹn tròn, đầy đặn, thiết tha. Chuẩn bị nghe Một số lưu ý khi nghe người khác nói: - Chú ý lắng nghe, ghi chép; - Đưa ra những câu hỏi cần giải đáp.
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh trao đổi và rút ra các vấn đề từ chính bài nói b. Nội dung thực hiện: HS thực hành nói – nghe và trao đổi ý kiến	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV dựa vào bài nói của HS. Có thể tham khảo bài nói ở phụ lục

Phụ lục 1. Bài nói tham khảo

Không biết mùa xuân có tự bao giờ và thơ xuân có tự bao giờ, chỉ biết người ta sinh ra đã có mùa xuân đẹp đầy sức sống và thổi vào các hồn thơ, sống trong cuộc đời, nếu thiếu đi mùa xuân, thiếu đi những câu thơ xuân thì thật buồn. Mùa xuân mỗi khoảnh khắc một vẻ, lúc là "mùa xuân nho nhỏ", lúc là "mùa xuân xanh"... và đây Mùa xuân chín nghe vừa mới, vừa sôi nổi, vừa có một sức sống dồn nén đang thăm nảy nở giống như cái mới, cái lắng mạn và khao khát trong tâm hồn Hàn Mặc Tử.

Mỗi dòng thơ đều phảng phát hơi xuân, đều thấm đượm cái đẹp của tâm hồn thi sĩ. Mùa xuân bắt đầu từ cái nắng mới lạ thường:

Trong làn nắng ửng khói mơ tan

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng

Sột soạt gió treu tà áo biếc

Trên giàn thiên lí. Bóng xuân sang

Mở đầu bài thơ cái cái nắng mùa xuân, chẳng phải tia nắng, hạt nắng, cũng chẳng phải giọt nắng mà là "làn nắng". Chữ "làn" như gợi một hơi thở nhẹ nhàng, nắng như mỏng tang, mềm mại trải đều trong thơ và trong không gian. Làn nắng lại "ửng" lên trong "khói mơ tan", cảnh sắc nhẹ nhàng, đẹp dân dã mà huyền diệu. Sương khói quyện với nắng; cái "ửng" của nắng được tôn lên trong làn khói mơ màng đang "tan" ấy. Trong câu thơ này, ngòi bút thi sĩ đã hướng đến một nét thơ truyền thống, cổ điển, miêu tả cái nắng xuân vừa như có hồn, vừa như có tình chan chứa

Khung cảnh ấy rất giản dị, chỉ có "đôi mái nhà tranh" hiện lên trong "làn nắng ửng" nhưng nó vẫn gợi lên một sức sống dân dã bình yên hết sức thân thuộc với mọi người. Nắng như đang rắc lên "đôi mái nhà tranh" chút sắc xuân và hương xuân: "Sột soạt gió treu tà áo biếc". Cái âm thanh của gió "treu" tà áo và cái gam màu "biếc" của lá, chính là cái tình xuân. Một chữ "treu" đáng yêu quá, thân thương quá, như có gì đó mang hương sắc đồng quê từ những câu ca dao, hát gheo tình tứ thuở nào cứ ngân nga mãi trong lòng ta. Gió cũng biết kén chọn, không phải áo nào cũng "treu", mà phải chọn áo biếc mới thật thơ, thật đẹp.

Tác giả miêu tả từ cái cụ thể, từ làn nắng, từ mái nhà tranh, từ gió rồi mới đến cái khái quát: "Trên giàn thiên lí / Bóng xuân sang". Câu thơ có một sự ngưng đọng, ngập ngừng cảm xúc nhẹ nhàng, băng khuâng, lại mang nỗi vấn vương khi đón "bóng xuân sang". Cảm xúc ngưng tụ như nín thở ấy ẩn mình vào dấu chấm giữa dòng thơ. Bên giàn thiên lí, mùa xuân đã sang. Mùa xuân nhẹ nhàng bước đi như có thể cảm được, có thể ngửi được ngay trước mắt mỗi chúng ta. Mùa xuân hiện ra trong mắt Hàn Mặc Tử nó nhẹ nhàng, dịu dàng như thế đấy!

Sau cái ngưng tụ và run rẩy như dây đàn căng lên trong tâm hồn nhà thơ thì ở những câu sau, mùa xuân lại ào đến:

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,

Bao cô thôn nữ hát trên đồi.

Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,

Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi

Hình ảnh ẩn dụ "sóng cỏ" và ba chữ "gợn tới trời" đã gợi tả làn cỏ xanh dập dờn trong làn gió xuân nhẹ nhàng thổi. Cỏ như xanh mãi, tươi mãi trong không gian mênh mông, bao la ấy. Gam màu "xanh tươi" đầy sức sống yên bình trong thơ Hàn Mặc Tử cứ "gợn tới trời", nó trải dài mãi như không dứt, trải mãi, trải mãi và rồi ngấm vào hồn thơ. Trong sắc xuân ấy, cây cỏ cứ xanh mãi nhưng thứ tình cảm con người đã đến độ chín rồi. "Đám xuân xanh ấy" là hình ảnh ẩn dụ chỉ các cô thôn nữ đang hát, đang "thầm thì với ai ngồi dưới trúc" kia, sẽ chín cùng mùa xuân và sẽ "theo chồng bỏ cuộc chơi". Những cô thôn nữ dần lớn, dần "chín" và đến độ tuổi lấy chồng, theo chồng. Thiên nhiên và lòng người như quyên luyến mùa xuân dần trôi qua, tuổi xuân hồn nhiên dần trôi qua. Hàn Mặc Tử như chợt thấy buồn, thấy hẫng hụt, băng khuâng, như mất mát đi một cái gì trong lòng khi mùa xuân đang chín...

Mùa xuân chỉ thực sự "chín" khi có con người và có dư âm tiếng hát:

Tiếng ca vút vẻo lưng chừng núi,

Hồn hển như lời của nước mây

Thầm thì với ai ngồi dưới trúc,

Nghe ra ý vị và thơ ngây

Tiếng hát giữa mùa xuân thân quen quá, yêu thương quá. Tiếng hát "vút vẻo" và "thơ ngây" của những nàng xuân, của bao cô thôn nữ chính là một nét đẹp truyền thống của dân tộc, đẹp như ca dao,

dân ca, như lễ hội mùa xuân muôn thuở của cái xứ sở này. Câu thơ gọi lên cái "chín" trong tâm hồn bao cô thôn nữ qua âm thanh "vắt vèo", trong trẻo, tươi mát của câu hát giao duyên, của trai gái nơi đồng quê, mộc mạc mà tình tứ. Tâm hồn nhạy cảm, yêu cuộc sống thiết tha của thi sĩ Hàn Mặc Tử cũng đã bắt vào lời hát ấy nhiều xao xuyến. Hai câu thơ vừa tả cảnh vừa tả người, trong cái mùa xuân khi mà vạn vật nở hoa, xanh tươi thì con người đã đến tuổi chín rồi.

Âm thanh đọng lại trong từng tiếng thơ, độ ngân rung, "vắt vèo" hòa nhịp với âm trầm "hồn hên" thể hiện một sự chuyển đổi cảm giác rất tinh tế, tài tình. Tâm hồn thi sĩ đã hòa nhập hẳn vào cái thế giới âm thanh mùa xuân ấy. Tiếng ca như vút lên cao, như ngập ngừng, như lưu luyến giữa "lưng chừng núi". Dư âm tiếng hát dường như rung lên "vắt vèo" gọi lên nhiều xao xuyến băng khuâng trong lòng nhà thơ. Tiếng hát "hồn hên" được so sánh "với lời của nước mây", lời của thiên nhiên. Hai tiếng "hồn hên" như nhịp thở gấp gáp, vội vàng đầy hương xuân, tình xuân, cảm xúc vừa thực vừa mơ đến lạ kì. Lời hát của các cô thôn nữ sao mà đáng yêu thế, như hút hồn người, như tràn ngập cả không gian, góp phần làm nên một "mùa xuân chín". "Vắt vèo", "hồn hên", "thầm thì" là ba cung bậc của ba âm thanh mùa xuân đang chín, thấm sâu vào hồn người đến nhẹ nhàng lắng dịu, chan chứa thương yêu. Sự phong phú về giai điệu và phức điệu của khúc hát đồng quê, làm say mê mọi người, để rồi cùng nhà thơ băng khuâng cảm nhận: "Nghe ra ý vị và thơ ngây...".

Gặp lúc mùa xuân chín ấy mà thẩn thức:

Khách xa, gặp lúc mùa xuân chín

Lòng trí băng khuâng sức nhớ làng

Chị ấy, năm nay còn gánh thóc

Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?

Hình ảnh của kí ức hiện lên một thoáng buồn đẹp và trải rộng mênh mông xa vắng. Nhà thơ nhớ đến con người như khao khát một tình người, một tình quê; mỗi một nỗi nhớ đều rất băng khuâng, xao xuyến. Nhà thơ nhớ từng chi tiết, nhớ một công việc cụ thể: "gánh thóc" trong một không gian cụ thể: "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang". Những chỉ có "chị ấy" là người đọc không thể biết đó là ai, chỉ có tác giả mới biết để mà "sức nhớ", mà thăm hỏi, mà man mác sợ "mùa xuân chín" ấy sẽ trôi qua. Hình như đó là nét thơ của Hàn Mặc Tử, là tâm hồn Hàn Mặc Tử luôn khao khát giao cảm với đời, luôn có một nỗi niềm cô đơn, trống vắng, hằng hụt như thế.

Mùa xuân chín là một bài thơ xuân rất hay, là một bức tranh xuân mới nhất, trong sáng, rạo rực, say mê, thơ mộng mà thoáng buồn nhất. Hàn Mặc Tử với cảm hứng thiên nhiên trữ tình, màu sắc cổ điển hài hòa kết hợp với chất dân dã, trẻ trung bình dị đã làm hiện lên một bức tranh xuân tươi tắn thơ mộng. Mùa xuân đẹp với con người trẻ trung, hồn nhiên, đáng yêu. Yêu mùa xuân chín cũng là yêu đồng quê, yêu làn nắng ửng, yêu mái nhà tranh, yêu giàn thiên lí, yêu tiếng hát vắt vèo của những nàng xuân trên "sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời".

Phụ lục 2. Rubic chấm bài nói – nghe

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá	
		Đạt	Chưa đạt
1	Lựa chọn được tác phẩm phù hợp để thực hành giới thiệu, đánh giá		
2	Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá ở tác phẩm thơ đã chọn		
3	Xây dựng được bố cục hợp lí căn cứ vào đặc điểm bài thơ và mục tiêu thuyết trình		
4	Chú ý đặc trưng thể loại khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình		
5	Phát huy ưu thế của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe		
6	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ		

Ngày soạn					
Cho các lớp	10A	10A1	10A3	10A4	10A5
Ngày dạy					

TUẦN 8;TIẾT 22: TRẢ BÀI VIẾT THỰC HIỆN Ở TIẾT 19, 20.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ Học sinh ôn tập lại các bài thơ đã được học
- ❖ Học sinh lí giải được lí do nên đọc thơ
- ❖ Học sinh xác định được thể nào là một bài thơ hay
- ❖ Học sinh tìm thêm một số bài phân tích thơ và rút ra kinh nghiệm khi phân tích thơ
- ❖ Học sinh thực hành phân tích thơ

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản

3. Về phẩm chất: Yêu thơ ca, trân trọng các giá trị tốt đẹp và liên hệ với các vấn đề của cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đặt câu hỏi: Theo con những gì làm nên vẻ đẹp của thơ ca? ❖ GV chiếu một đoạn tham khảo: Ý nghĩa văn chương để gợi dẫn	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	Gợi ý đáp án Điều làm nên vẻ đẹp của thơ ca chính là ngôn ngữ, hình ảnh và giọng điệu trong những câu thơ, khổ thơ. Mỗi bài thơ sẽ truyền tải một thông điệp, tâm trạng khác nhau của nhân vật và tác giả là người tạo ra nó bằng những câu thơ giàu hình ảnh, cảm xúc kết hợp với việc sử dụng các biện pháp tu từ.
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh ôn tập lại các bài thơ đã được học ❖ Học sinh lí giải được lí do nên đọc thơ ❖ Học sinh xác định được thể nào là một bài thơ hay b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh chia nhóm thảo luận về một trong hai chủ đề	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập • Giáo viên chia nhóm thảo luận Thời gian: 10 phút Chia sẻ và phản biện: 5 phút	* Chủ đề (1): Chúng ta nên đọc thơ vì: - Đọc thơ để cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, cảm nhận được tâm trạng con người qua thiên nhiên

Nội dung thảo luận - <i>Tại sao nên đọc thơ?</i> - <i>Thế nào là một bài thơ hay?</i> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành thảo luận nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	và từ đó thấy được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ, hình ảnh. - Có thể trau dồi thêm vốn từ ngữ phong phú hơn, vốn từ ngữ giàu tình cảm, giàu sắc thái; học cách biểu đạt cảm xúc, tâm trạng qua ngôn ngữ viết. - Người đọc cũng có thể phát triển kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp thông qua việc đọc thơ. * Chủ đề (2): Một bài thơ hay là - Là bài thơ có lời thơ trong sáng, ý thơ hàm súc và phải có tính truyền cảm khiến cho người đọc cảm thấy xúc động, xao xuyến khi đọc thơ. - Là bài thơ có âm điệu, giọng điệu hay, có kết cấu chặt chẽ, tài tình hoặc phải theo một quy luật nhất định về niêm - luật. - Một bài thơ hay là một bài thơ mà người đọc cảm nhận được nó, hiểu được tác giả viết gì, miêu tả cái gì và truyền tải quan niệm, suy nghĩ gì.
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh tìm thêm một số bài phân tích thơ và rút ra kinh nghiệm khi phân tích thơ ❖ Học sinh thực hành phân tích thơ b. Nội dung thực hiện HS hoàn thiện câu hỏi 3,4,5 trong SGK theo nhóm đôi hoặc cá nhân	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	3. Đọc lại tất cả những tác phẩm thơ đã học trong bài. Sưu tầm hoặc tập hợp một số bài thơ khác cùng thể thơ hoặc cùng đề tài và ghi chép ngắn gọn những điều bạn tâm đắc khi đọc bài thơ đó. Một số các tác phẩm thơ cùng thể thơ hoặc cùng chủ đề: - Cùng thể thơ: Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan, Tự tình của Hồ Xuân Hương,... - Cùng chủ đề: Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, Sang thu của Hữu Thỉnh, Tiếng thu của Lưu Trọng Lư,... 4. Tìm đọc thêm một số bài phân tích thơ, từ đó rút ra những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca. Những kinh nghiệm về cảm nhận và phân tích thơ ca: - Phân tích thơ trước hết cần chú ý đến hoàn cảnh ra đời, thể thơ và đặc điểm hình thức thơ. Tiếp đến là khái quát nội dung, chủ đề bài thơ: tả cảnh, tả người, ... - Phân tích, cảm nhận từng hình ảnh, chi tiết trong từng câu thơ, khổ thơ. Cảm nhận từng câu một không ngắt quãng, bỏ dờ, đi từng câu, từng khổ thơ.

	- Phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ như phép đối, phép ẩn dụ, so sánh,... để làm nổi bật ý nghĩa câu thơ, khổ thơ. - Nhận xét, đánh giá được phong cách nghệ thuật của tác giả. 5. Hãy phân tích một bài thơ được đánh giá là hay (ngoài bài đã được phân tích trong phần Viết của bài học). Tham khảo phần phụ lục
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh cảm nhận và liên hệ được tình yêu thơ ca, trân trọng các giá trị tốt đẹp và liên hệ với các vấn đề của cuộc sống b. Nội dung thực hiện: HS rút ra một bài học trong một tác phẩm thơ mà mình đã lựa chọn phân tích trong hoạt động luyện tập	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	HS trình bày suy ngẫm và quan điểm của bản thân tùy theo văn bản đã lựa chọn

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày cầu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo

			Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Tham khảo phân tích một bài thơ

Xuân Diệu (1916-1985) là nhà thơ tình, viết hay nhất và nhiều nhất trong thời đại chúng ta. Thi sĩ đã để lại trên 400 bài thơ tình,; là nhà thơ "mới nhất trong những nhà thơ mới". Xuân Diệu cũng là thi sĩ của mùa thu. Với Xuân Diệu nếu "Tình không tuổi và xuân không ngày tháng" thì cảnh thu chứa đựng biết bao tình thu, bao rung động xôn xao, bởi lẽ "Thu đến - nơi nơi động tiếng huyền".

Trong hai tập thơ viết trước Cách mạng: "Thơ thơ" và "Gửi hương cho gió" có rất nhiều bài thơ nói đến sắc thu, hương thu, trăng thu, tình thu, thiếu nữ buổi thu về... Mùa thu thật đáng yêu, làm cho tâm hồn thi sĩ như dây đàn huyền diệu đang rung lên xao xuyến...

"Đây mùa thu tới" là một bài thơ thu tuyệt bút của Xuân Diệu, rút trong tập "Thơ thơ", xuất bản năm 1938. Thu đến, xôn xao rung động đất trời. Cảnh vật đẹp mà thoáng buồn man mác. Lòng thiếu nữ càng trở nên băng khuâng buổi thu về.

Cảm nhận đầu tiên của thi sĩ Xuân Diệu về mùa thu không phải là âm thanh tiếng chày đập vải, không phải là ấn tượng "Ngô đồng nhất điệp lục - Thiên hạ cộng tri thu" mà là ở dáng liễu, rặng liễu ven hồ, hay bên đường:

"Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng".

Cả một không gian "đìu hiu", buồn và vắng vẻ. Rặng liễu trầm mặc như "đứng chịu tang". Lá liễu buông dài như tóc nàng cô phụ "buồn buông xuống". Lá liễu ướt đầm sương thu tưởng như "lệ ngàn hàng". Liễu được nhân hóa "đứng chịu tang", từ tóc liễu đến lệ liễu đều mang theo bao nỗi buồn thấm thía. Một nét liễu, một dáng liễu được miêu tả và cảm nhận đầy chất thơ. Biện pháp lấy âm được Xuân Diệu vận dụng tài tình để tạo nên vần thơ giàu âm điệu, nhạc điệu: "đìu hiu - chịu", "tang - ngàn - hàng", "buồn - buông - xuống". Đó là một điểm mạnh, khá mới mẻ trong thi pháp mà Xuân Diệu đã học tập được trong trường phái thơ tượng trưng Pháp trong thế kỉ XIX. Say mê ngắm "rặng liễu đìu hiu...", nhà thơ khẽ reo lên khi chợt nhận thấy thu đã đến. Cách ngắt nhịp 4/3 với điệp ngữ "mùa thu tới" đã diễn tả bước đi của mùa thu và niềm mong đợi thu về bấy lâu nay trong lòng thi sĩ:

"Đây mùa thu tới/mùa thu tới

Với áo mơ phai/dệt lá vàng".

Một vần lưng thần tình: "tới - với", một chữ "dệt" tinh tế trong miêu tả và cảm nhận. Thu vừa tới, sắc màu cỏ cây vạn vật đều đổi thay, trở thành "mơ phai". Đó đây điểm tô một vài sắc vàng của lá, đúng là "dệt lá vàng". Câu thơ "Với áo mơ phai dệt lá vàng" là một câu thơ nhiều thi vị, nói lên cái hồn thu với sắc lá, gợi lên cảm giác thanh nhẹ, tươi sáng về mùa thu đáng yêu vô cùng.

Có thể nói, khổ thơ đầu đã vẽ lên một bức tranh thu đẹp, thơ mộng, thấm một nỗi buồn từ cây cỏ đến lòng người, nhưng không ảm đạm, thê lương làm nặng trĩu lòng người. Mỗi ngày mỗi đêm đi qua. Thu đã về và thu dần dần trôi qua. Cảnh vật biến đổi. Hoa đã "rụng cành". Tác giả không nói "đôi ba...", mà lại viết "hơn một" cách dùng số từ ấy cũng là một cách nói rất mới. Trong vườn, màu đỏ (tùng chàm nhỏ) đang lán dần, đã và đang "rửa màu xanh"! Cũng nói về sự biến đổi ấy, trong bài "Cảm thu, tiễn thu" thi sĩ Tản Đà viết:

"Sắc đâu nhuộm ó quan hà

Cỏ vùng cây đỏ bóng tà tà dương".

Cây cối bắt đầu rụng lá tro cánh như đang "run rẩy", khẽ "rung rinh" trước những làn gió thu lạnh lạnh, se sắt. Khổ thơ thứ hai, chất thơ ấy là sự lay động xôn xao từ cảnh vật, từ hoa lá hơi may mà thấm vào hồn thi sĩ:

*"Hơn một loài hoa đã rụng cánh
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh.
Những luồng run rẩy, rung rinh lá,
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh".*

Các từ láy: "run rẩy", "rung rinh", "mỏng manh" là những nét vẽ thần diệu gợi tả cái run rẩy, cái rung mình của cây lá buổi chiều thu. Nghệ thuật sử dụng các phụ âm, "r" (rụng, rữa, run rẩy, rung rinh) và phụ âm "m" (một, màu, mỏng manh) với dụng ý thẩm mỹ trong gợi tả và biểu cảm đặc sắc. Đó cũng là một nét mới trong thi pháp của Xuân Diệu.

Khổ thơ thứ 3, thi liệu vừa hiện thực vừa ước lệ tượng trưng, vừa kể thừa vừa cách tân sáng tạo. Cũng có trăng nhưng là "nàng trăng tự ngẩn ngơ" trên bầu trời. Không nói là trăng non đầu tháng, không hỏi "Trăng bao nhiêu tuổi trăng già" mà lại nói là "nàng trăng". Một hình ảnh đẹp, thơ mộng tả vầng trăng thu. Cũng ó núi, có non, lúc ẩn lúc hiện, "khởi sự" nhô lên cuối chân trời xa, qua lớp sương thu mờ. Trăng và núi trong thơ Xuân Diệu chứa đựng cái hồn thu muôn thuở của xứ sở quê hương, gần gũi và thân thuộc từ bao đời nay được vẽ lên thật đẹp:

*"Thỉnh thoang nàng trăng tự ngẩn ngơ
Non xa khởi sự nhạt sương mờ... "*

Hai tiếng "đã nghe", "đã vắng" gợi tả cái không gian bao la, vắng vẻ của những buổi chiều thu lạnh lạnh:

*"Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò"*

Cấu trúc câu thơ song hành và cách diễn tả cũng rất mới. Có chuyển đổi cảm giác giữa xúc giác và thính giác. Như vậy, sự cảm nhận của thi nhân về rét, về gió, về cái xa vắng không chỉ bằng giác quan mà còn bằng cả linh hồn nữa. Chữ "luồn" đã cụ thể hóa cái rét, cảm nhận được nó bằng trực giác. Rét mướt luồn trong gió thu hiu hắt chứ không phải là gió rét. Rõ ràng là chưa rét đậm, rét tê tái, đúng là cái rét, cái lạnh lạnh những chiều thu, những đêm tàn thu.

Khổ cuối là một bức tranh thu tuyệt đẹp. Có vẻ đẹp của thiên nhiên, của mây trời, cánh chim. Có vẻ đẹp thiếu nữ. Cảnh đẹp, người đẹp mà thoáng buồn mơ hồ mênh mông. Mây và cánh chim gợi lên nỗi buồn đẹp chia li như "bèo dạt mây trôi" của tình ca! Thi sĩ đã lấy cái "động" của cánh chim bay, của áng mây chiều trôi để đặc tả cái êm đềm, yên tĩnh của cõi vật và lòng người:

*"Mây vẫn từng không chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia li"...*

Trong cái êm đềm, xa vắng ấy hiện lên hình ảnh thiếu nữ "ít nhiều" chưa xác định. Buồn tương tư, "buồn không nói". Một dáng điệu "tựa cửa nhìn xa", một tâm hồn "nghĩ ngợi gì" rất mơ hồ, xa xăm:

*"Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói,
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì"*

Là mùa xuân hay mùa thu, là mùa hè hay mùa đông, giữa thiên nhiên trăm sắc nghìn hương ấy, hình ảnh thiếu nữ đa tình, duyên dáng luôn luôn thấp thoáng qua những vần thơ của Xuân Diệu. Thi sĩ đa tình nên thiếu nữ cũng đa tình?

*"Bên cửa ngừng kim thoa bức gấm
Hây hây thực nữ mắt như thuyền".*
(*"Nụ cười xuân"* - Thơ thơ)

Trong chùm thơ thu của Yên Đỗ, tình thu buồn thấm thía cô đơn được thể hiện qua hình ảnh một ông lão, lúc đang "tựa gối ôm cần" trên một chiếc thuyền câu "bé tẻo teo" giữa chiếc ao thu "lạnh lẽo", lúc là một cụ già đang ngồi uống rượu ngà ngà say trong đêm sâu, có lúc lại là một nhà nho đang lặng ngắm cảnh thu, muốn cầm bút đề thơ mà phân vân, lưỡng lự... Còn trong thơ thu của Xuân Diệu là hình bóng một giai nhân trong tương tư, đang mộng tưởng. Đó cũng là một nét mới nói về mùa thu trong thơ Xuân Diệu. Có thể nói trạng thái buồn mơ hồ, buồn không rõ nguyên cớ là một nét tâm trạng rất điển hình của hồn thơ Xuân Diệu:

"Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói... "

Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn..."

"Đây mùa thu tới" là một bài thơ thu tuyệt bút của Xuân Diệu. Bao nhiêu nét thu là bấy nhiêu nét vẽ tài hoa. Dáng thu, sắc thu, tình thu đều đẹp mà buồn, bao nên cái hồn thu mệnh mang, xao xuyến. Đáng yêu nhất là hình ảnh thiếu nữ, một dáng thu yêu kiều mộng tưởng "Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì". Một trái tim đa tình, một ngòi bút tài hoa. Cách cảm và cách diễn tả rất mới, rất thơ. Đằng sau những sắc thu của đất trời, hoa lá, cây cỏ, của núi xa, của nàng trăng, của làn gió thu se lạnh,... là tiếng thu xôn xao, rung động trong tâm hồn thi sĩ tuổi đôi mươi và trong lòng thiếu nữ tuổi trăng tròn. Bài thơ cho ta nhiều ngẩn ngơ say cái hương sắc mùa thu xưa, mùa thu Hà Nội hơn nữa.

TIẾT 22 (Hướng dẫn học sinh). THỰC HÀNH ĐỌC CẢNH ĐÔNG (NGÂN HOA)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- ❖ **Học sinh cảm nhận** sự biến hóa của nhịp điệu, sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ.
- ❖ **Học sinh lắng nghe** dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình được biểu hiện một cách sống động, sắc nét trong sự tự do của hình thức thơ ca

2. Về năng lực

Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để đọc hiểu văn bản

3. Về phẩm chất: Yêu thơ ca, trân trọng các giá trị tốt đẹp và liên hệ với các vấn đề của cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học b. Nội dung thực hiện: ❖ GV đặt câu hỏi: Trong thời gian 1 phút, con hãy liệt kê tất cả những sự vật, hình ảnh, từ ngữ về mùa xuân. ❖ HS nào liệt kê được nhiều nhất thì chiến thắng.	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	Gợi ý đáp án Màu xanh, non, mơn mơn, hoa lá,.... Sự sống, tình yêu,....

Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI a. Mục tiêu hoạt động: ❖ Học sinh cảm nhận sự biến hóa của nhịp điệu, sự phóng khoáng trong cách xây dựng hình ảnh thơ, sự dụng công trong cách tổ chức mạch thơ. ❖ Học sinh lắng nghe dòng chảy cảm xúc và suy tưởng của nhân vật trữ tình được biểu hiện một cách sống động, sắc nét trong sự tự do của hình thức thơ ca b. Nội dung thực hiện: ❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập để tìm hiểu bài thơ	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu HS suy ngẫm và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành làm phiếu học tập Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	1. Bố cục: Bài thơ được chia làm 3 phần - Từ đầu đến rục rờ: Giới thiệu cánh đồng mùa xuân - Tiếp theo đến dưới đất cây: Mùa xuân với những sức sống mới - Hai câu cuối: Cảm xúc của nhân vật trữ tình 2. Nhịp điệu và ngôn từ bài thơ có gì đặc biệt? - Nhiều phép điệp tạo nên sự nhịp nhàng trong từng câu thơ <i>“Chạm vào em một chiếc lá già nua, một nụ hoa bé bỏng, một hơi thở run run, một làn sương ẩm ướt Chạm vào em một lạnh lốt trong veo, một vang rền trầm đục, một nước nở âm u, một lặng câm rục rờ....”</i> ☐ Điệp “chạm vào em” “một + cụm danh từ/tính từ” <i>“Em gọi tên những loài hoa chưa kịp mọc Em gọi tên những trái cây chưa kịp ra đời”</i> ☐ Điệp “Em gọi tên” “chưa kịp + động từ” <i>“Những trái cây đang ngủ trong hạt mầm vừa nứt Đang ngủ trong đóa hoa nấp dưới đất cây”</i> ☐ Điệp “đang ngủ” - Nhiều từ láy, các tính từ miêu tả âm thanh, hình ảnh, các động từ thể hiện sức sống đang diễn ra trong cảnh vật + Từ láy: bé bỏng, run run, lạnh lốt, nước nở, rục rờ,.... + Tính từ được sắp xếp đăng đối: trong veo – trầm đục; âm u – rục rờ; nước nở - lặng câm; lạnh lốt – vang rền + Động từ chỉ trạng thái: “mọc” “ra đời” “đang ngủ” “nứt” “nấp” Các câu thơ và từ ngữ được sắp xếp như một lời hát, có thăng có trầm, bộc lộ được cảm xúc đang trào dâng trong lòng tác giả. Nếu như khổ đầu tiên là những hình ảnh thể hiện cho sự lụi tàn – sức sống đan xen, thì khổ thứ hai tác giả khẳng định tất cả đang đều lúc mới “mầm” “chồi”, lúc chớm nở, tươi mới, và đang chờ vươn mình phát triển. Ta hiểu

	cánh xuân ở đây không phải là mùa xuân với muôn vàn sắc thắm, mà chính là khoảnh khắc mọi vật đang đợi vươn mình, bung tỏa thể hiện sức sống của mùa xuân. Ta lại nhớ đến “Sang thu” của Hữu Thỉnh, giống như việc tác giả không miêu tả mùa thu, mà đang diễn tả lại khoảnh khắc giao mùa, khoảnh khắc mà mọi vật đang chờ đợi đón chờ sự thay đổi của thời gian và không gian, của bốn mùa luân chuyển. 3. Hình ảnh và biện pháp tu từ của bài thơ có gì đặc biệt? - Hình ảnh “Những đóa hoa cúc hái về từ cánh đồng mùa xuân rộng lớn”. Câu thơ đầu tiên đã gọi lên trong người đọc nhiều mâu thuẫn “hoa cúc” là dấu hiệu của mùa thu, vậy tại sao lại được hái về từ “cánh đồng mùa xuân rộng lớn”? - Câu thơ thứ hai lí giải cụ thể hơn “Tỏa sáng trên chiếc bình gốm sẫm màu”. Ở đây, có thể hiểu là hình ảnh hoa cúc trên bình gốm, hay hoa cúc được cắm trong chiếc bình hay chỉ đơn giản là tượng trưng của tác giả. Liên kết hai câu thơ đầu tiên, có thể đó là những bông hoa cúc được hái từ vườn và được cắm trên chiếc bình gốm sẫm màu. Đó có thể là những đẹp đẽ cuối cùng của mùa thu, nhân vật trữ tình tận hưởng vẻ đẹp của hoa cúc, của sắc hoa và mong chờ mùa xuân tới. - Đại từ “em” được nhắc đến trong cả hai khổ thơ, “em” có thể hiểu là nhân vật trữ tình, người con gái đang tràn đầy tình yêu đời, yêu sống. “Em” ở trong nhiều trạng thái là “chiếc là già nua” nhưng cũng là “nụ hoa bé bỏng”; là “hơi thở run run” nhưng cũng là “làn sương ẩm ướt”; là “lạnh lót trong veo” nhưng cũng là “vang rền trầm đục”; là “nức nở âm u” nhưng cũng là “lặng câm rục rờ”. Các trạng thái nếu để ý kĩ có phân đối lập nhau, nếu như một bên là sự già cỗi, trầm buồn “già nua” “run run” “trầm đục” “âm u” thì một bên sẽ là “nụ hoa” “làn sương” “trong veo” “rục rờ”.... Trạng thái đối lập đó của “em” thể hiện sự biến hóa, xoay chuyển của trạng thái tinh thần. Đó có thể là sự tiếc nuối, cũng có thể là những rung cảm trước sự đón nhận mùa xuân sang. Cái cũ qua đi thì cái mới sẽ đến, sự sống sẽ hình thành. Sử dụng biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, cho thấy tác giả cảm nhận mùa xuân và sự chuyển động bằng tất cả các giác quan - Đến khổ thứ hai, các hình ảnh thể hiện cho sức sống sắp bung tỏa “loài hoa chưa kịp mọc” “trái cây chưa kịp ra đời” “hạt mần vừa nứt” “hoa nấp dưới
--	--

	đất cày” tất cả đều là “chưa kịp” “vừa” “nấp”... Chỉ chờ đợi có cơ hội thì sự sống sẽ thực sự bung tỏa - Hai câu kết “Dưới lớp đất cày có những chiếc bình gốm. Chưa kịp thành hình chờ đợi các loài hoa”. Nếu như đóa hoa cúc của mùa thu đang rực rỡ trong những chiếc bình, thì dưới lớp đất cày, những chiếc bình gốm cũng sẽ hình thành, chờ đợi sự sinh sôi nảy nở của các loài hoa. Đó là sự luân chuyển đầu cuối thể hiện cho sự sống luân phiên tồn tại. Sau khoảng động, thơ trở lại yên tĩnh để lắng khí đất, khí trời, sự hiển dăng luân chuyển sinh sôi, sự trở về chất chứa. Bài thơ là dòng luân chuyển không dứt.
--	---

Phụ lục. Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP CẢNH ĐỒNG - NGÂN HOA	
CÂU 1 Bố cục bài thơ là gì? 	CÂU 2 Nhịp điệu và ngôn ngữ bài thơ có gì đặc biệt?
CÂU 3 Biện pháp tu từ được sử dụng là gì? Hình ảnh thơ có gì đặc biệt? 	CÂU 4 Điều tâm đắc nhất của em trong bài thơ là gì? Vì sao?